

Số 3-2016 (96)

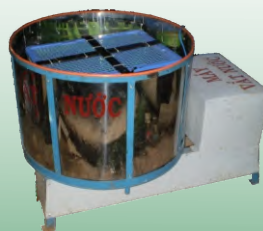
Khoa học & Công nghệ

LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG



Khoa học và công nghệ - Chìa khóa thành công





Khoa học & Công nghệ

LÂM ĐỒNG

Trong số này

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN

Địa chỉ: Số 36 Trần Phú - Tp. Đà Lạt

Điện thoại: 063.3545479 - 063.3833163

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Ngô Đình Văn Châu

Biên tập:

Nguyễn Minh Tâm

Huỳnh Thanh Mai

Nguyễn Thanh Nhân

Lê Văn Công

Ngô Huy Đông

Trình bày:

Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN

Ảnh bìa: Văn Việt

Nhà "sáng chế chân đất" Nguyễn Hồng Chương
miệt mài nghiên cứu, chế tạo máy
ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp

☀ Vấn đề - Sự kiện

- 1 Tái cơ cấu ngành khoa học và công nghệ
- 4 **Nguyễn Minh Tâm** - Một số điểm mới trong Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013
- 7 **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Nhiều điểm mới trong khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước
- 9 **Nguyễn Hữu Nam** - Những điểm mới trong quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng

☀ Hoạt động Khoa học và Công nghệ

- 12 **Trần Thị Chúc Quỳnh** - Phong trào nghiên cứu khoa học và sáng tạo kỹ thuật của tuổi trẻ tỉnh Lâm Đồng
- 14 **Trịnh Thị Tú Anh** - Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Đà Lạt
- 17 **Lê Hữu Túc** - Điểm nhấn phong trào khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo huyện Đơn Dương
- 19 **Trần Thị Nghĩa** - Nghiên cứu, sản xuất vắc xin và chế phẩm sinh học bảo vệ sức khỏe con người
- 21 **Nguyễn Đức Thuận** - Ứng dụng kỹ thuật mới góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng
- 23 **Lê Thành Trung** - Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ
- 25 **Thảo Ly** - Hội thi "Sáng tạo kỹ thuật nhà nông" - Sân chơi của những "kỹ sư chân đất"
- 26 Tin hoạt động khoa học và công nghệ
- 28 Danh sách các đề tài, dự án đã được nghiệm thu và đơn vị được chuyển giao, sử dụng

☀ Khoa học và Đời sống

- 29 **Văn Việt, Bùi Trường** - Gặp gỡ các nhà sáng chế máy nông nghiệp
- 31 **Nguyễn Mộng Sinh** - Góp phần nhận diện một số nét đặc trưng của chuyên gia trình độ cao trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ hiện đại

TÁI CƠ CẤU NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Sở Khoa học và Công nghệ

Tái cơ cấu nền kinh tế và yêu cầu tái cơ cấu ngành KH&CN

Nền kinh tế nước ta từ khi thực hiện đổi mới liên tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển và hội nhập quốc tế, những hạn chế của mô hình tăng trưởng thời kỳ đầu càng thể hiện rõ, làm cản trở đến quá trình tăng trưởng tiếp theo. Từ năm 2013, Chính phủ đã định hướng thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo lộ trình và bước đi phù hợp để đến năm 2020 cơ bản hình thành mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, bảo đảm chất lượng tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế (theo Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

Trong đó, định hướng tái cơ cấu các ngành sản xuất, dịch vụ được nhấn mạnh vào việc chuyển đổi sản xuất từ sử dụng công nghệ thấp, năng suất và giá trị gia tăng thấp sang sản xuất có hàm lượng KH&CN cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, năng suất và giá trị gia tăng cao.

- *Đối với nông nghiệp*: phát huy lợi thế cạnh tranh phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao đạt các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm; kết nối công nghiệp chế biến, bảo quản và xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường; tham gia chuỗi giá trị toàn cầu đối với các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới như: cà phê, cao su, gạo, tiêu, điều, cá da trơn, tôm, các loại hải sản, các loại rau, quả nhiệt đới,...

- *Đối với công nghiệp*: tái cơ cấu theo ngành, vùng và giá trị mới, tăng hàm lượng KH&CN và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm; chuyển mạnh sang chế tạo và chế tác, kết nối với mạng sản xuất và chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu đối với các ngành, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh như chế biến lương thực, thực phẩm, thủy và hải sản, nước giải khát, may mặc, giày da, các sản phẩm da,... Chú trọng phát triển một số ngành ưu tiên và công nghiệp hỗ trợ như: hóa dầu, điện tử và công nghiệp công nghệ thông tin, luyện kim, cơ khí chế tạo, công nghiệp xanh và năng lượng tái tạo, phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp,...

Các mục tiêu tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN, tập trung ưu tiên một số lĩnh vực có thế mạnh; đạt thứ hạng cao trên thế giới ở một số lĩnh vực như công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học trong y tế và nông nghiệp, công nghệ vật liệu mới; ứng dụng và phát triển các công nghệ có ảnh hưởng quyết định đến tốc độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế, tạo ra các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao.

- Thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP), hoạt động KH&CN đóng góp khoảng 30-35% tăng trưởng kinh tế; giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp; tỷ lệ đổi mới công nghệ, thiết bị tăng trung bình 20%/năm; giá trị giao dịch của thị trường KH&CN tăng trung bình 15%/năm. Đạt trình độ nhóm có thứ hạng khá trên thế giới về chỉ số đổi mới sáng tạo.

- Hình thành đồng bộ đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ cao; phát triển các tổ chức, tập thể KH&CN mạnh, các nhà khoa học đầu ngành. Hoàn thành quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức KH&CN công lập, xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại. Phát triển mạnh các doanh nghiệp KH&CN, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ KH&CN.

Từ các định hướng trên, yêu cầu phát triển KH&CN nhằm thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng cụ thể là:

- Phát huy vai trò và coi KH&CN là đòn bẩy của quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

- Sắp xếp, bố trí hệ thống tổ chức KH&CN công lập gắn với chuyển đổi mô hình hoạt động, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển các tổ chức KH&CN ngoài công lập, gắn hoạt động KH&CN với sản xuất - kinh doanh.

- Cơ cấu lại các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của sản phẩm với yêu cầu phát triển sản xuất của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Tái cơ cấu ngành KH&CN

Thực hiện các yêu cầu phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế, Đề án tái cơ cấu ngành KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định 2245/QĐ-TTg ngày 11/12/2015 gồm 2 nội dung cơ bản sau:

- *Tái cơ cấu về tiềm lực KH&CN, bao gồm nhân lực KH&CN, tổ chức KH&CN và hạ tầng KH&CN*

+ Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đồng bộ nguồn nhân lực KH&CN. Phát triển, liên kết và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ KH&CN tại các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp. Phát triển và phát huy đội ngũ nhân lực KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học.

+ Cơ cấu lại hệ thống tổ chức KH&CN công lập phù hợp với chiến lược phát triển và định hướng lĩnh vực ưu tiên. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống tổ chức dịch vụ KH&CN, nhất là các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN. Phát triển doanh nghiệp KH&CN và các tổ chức KH&CN thuộc các thành phần kinh tế. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo KH&CN quốc gia và các trung tâm đổi mới sáng tạo.

+ Rà soát lại quy hoạch KH&CN gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện và kiểm soát chặt các chương trình, dự án đầu tư hạ tầng KH&CN. Tập trung đầu tư các dự án khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung. Quy hoạch lại các phòng thí nghiệm, kết nối phòng thí nghiệm giữa các viện, trường và doanh nghiệp. Phát triển hạ tầng thông tin và thống kê KH&CN

8 nhóm giải pháp tái cơ cấu ngành KH&CN

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động KH&CN;
- Phát triển tiềm lực KH&CN;
- Tiếp tục đổi mới phương thức đầu tư và cơ chế tài chính;
- Phát triển thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN;
- Thúc đẩy phát triển mối liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp nhằm thương mại hóa sản phẩm KH&CN;
- Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN;
- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính;
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội về KH&CN.



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Ngọc Liêm phát biểu tại buổi làm việc với Sở KH&CN

hiện đại, tăng cường kết nối và sử dụng hiệu quả thông tin KH&CN.

- *Tái cơ cấu về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ*

+ Tập trung phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ năng lượng mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp phụ trợ. Tổ chức các chương trình phục vụ cho phát triển các vùng, miền và nhiệm vụ KH&CN theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm.

+ Phát triển công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ liên ngành thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ cơ khí - tự động hóa, công nghệ môi trường và công nghệ hạt nhân.

+ Cơ cấu lại nội dung nghiên cứu và ứng dụng trong các chương trình KH&CN. Cân đối giữa việc nghiên cứu phát triển và làm chủ công nghệ tiên tiến.

Tái cơ cấu ngành KH&CN tỉnh Lâm Đồng

Định hướng triển khai Đề án tái cơ cấu ngành KH&CN tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020 gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ X đề ra, trong đó KH&CN được xem là động lực thúc đẩy, nâng cao giá trị gia tăng trong các sản phẩm lợi thế của địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Các nội dung

- *Tái cơ cấu về phát triển tiềm lực KH&CN*

+ Rà soát quy hoạch sử dụng, đào tạo, bồi



Bảo quản bộ sưu tập nấm trong phòng thí nghiệm tại Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng

dưỡng phát triển nguồn nhân lực KH&CN nhằm phát huy hiệu quả nguồn nhân lực KH&CN trình độ cao cho nghiên cứu phát triển và hoạt động của các doanh nghiệp.

+ Đánh giá, quy hoạch lại hệ thống các tổ chức KH&CN công lập và các đơn vị sự nghiệp công có thể cung ứng dịch vụ KH&CN để có chính sách phát huy, phát triển và đầu tư hiệu quả. Phát triển các tổ chức KH&CN thuộc các thành phần kinh tế và doanh nghiệp KH&CN. Phát huy vai trò các đơn vị KH&CN của trung ương đóng trên địa bàn.

+ Tập trung đầu tư hạ tầng KH&CN cho Khu Công nghệ Sinh học và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Khu Công nghệ thông tin tập trung. Ưu tiên đầu tư trụ sở và trang thiết bị kỹ thuật cho các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập theo quy hoạch để phát huy vai trò cầu nối chuyển giao KH&CN, cung cấp các dịch vụ KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp và có điều kiện thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP.

- Tái cơ cấu về nhiệm vụ KH&CN

+ Xây dựng các nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi cung ứng giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh về nông nghiệp, công nghiệp, du lịch; gắn việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề KH&CN, khoa học xã hội nhân văn cụ thể với việc tổ chức các mô hình ứng dụng đồng bộ từ kỹ thuật sản xuất, quản lý, thương hiệu và thị trường.

+ Định hướng nghiên cứu ứng dụng tập trung là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, khoa học quản lý phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, phát triển du lịch đặc thù, quản lý tổ chức sản xuất - kinh doanh hiệu quả và phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Một số giải pháp

- Rà soát thể chế, kịp thời cụ thể hóa các chính sách mới về KH&CN ở địa phương. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU của Tỉnh ủy về triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Rà soát lại Quy hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 theo hướng tập trung phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

- Rà soát kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN tinh gọn, hiệu quả. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ công chức quản lý KH&CN; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và kỹ năng quản lý, tập trung vào việc tham mưu chính sách và quy hoạch. Nâng cao năng lực và trách nhiệm đặt hàng về KH&CN phục vụ việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm và địa phương. Nâng cao chất lượng tư vấn của các hội đồng KH&CN và cơ chế đánh giá độc lập của chuyên gia. Thực hiện cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về KH&CN.

- Xây dựng và triển khai chính sách thu hút, trọng dụng cán bộ KH&CN. Tham mưu chính sách để doanh nghiệp thu hút, sử dụng chuyên gia KH&CN. Tổ chức Giải thưởng KH&CN tỉnh Lâm Đồng; các hội thi sáng tạo kỹ thuật nhằm thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, nhất là đối với thế hệ trẻ; tôn vinh và hỗ trợ sáng kiến của người dân...

- Rà soát, đánh giá, phân loại các tổ chức sự nghiệp KH&CN công lập nhằm quy hoạch lại và tập trung đầu tư đủ mạnh đáp ứng các yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng chính sách để phát triển hoạt động KH&CN trong các thành phần kinh tế; phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, chú trọng dịch vụ chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Phát huy và liên kết các tổ chức có khả năng cung cấp dịch vụ KH&CN của các viện, trường với các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tham mưu chính sách thu hút đầu tư hạ tầng KH&CN, nhất là phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chế biến cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Tham mưu cơ chế phân bổ sử dụng ngân sách nhà nước cho KH&CN,

(Xem tiếp trang 18)

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2013

NGUYỄN MINH TÂM

Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) 2013 thể hiện các điểm đổi mới mạnh mẽ về cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính cho KH&CN theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “*Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”.

Những nội dung trong Nghị quyết về “*Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính*” tập trung tháo gỡ các nút thắt nhiều năm như các thủ tục tài chính phức tạp, mất nhiều thời gian, công sức của các nhà khoa học. Các đổi mới từ khâu xây dựng kế hoạch: “*Đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động KH&CN phù hợp với đặc thù của lĩnh vực KH&CN và nhu cầu phát triển của quốc gia, ngành, địa phương*”; đến quản lý theo hướng “*Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm KH&CN cuối cùng theo kết quả đầu ra. Xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN. Mở rộng áp dụng cơ chế tài chính của Quỹ phát triển KH&CN*”. Tất cả các nội dung này được thể chế hóa trong Luật KH&CN 2013 một cách cụ thể.

Cơ chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN

Điều 25, Luật KH&CN 2013 chỉ rõ các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước, bộ, tỉnh phải thực hiện theo hình thức đặt hàng với căn cứ là định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu thực tế phát triển của quốc gia, lĩnh vực hay địa phương. Điều này làm tăng tính gắn bó của các nhiệm vụ trong việc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thông qua trách nhiệm của cơ quan đề xuất và tổ chức ứng dụng kết quả (Điều 40). Trước đây, việc đề xuất thường từ các tổ chức, cá nhân bất kỳ trực tiếp đến các cơ quan quản lý KH&CN; vai trò đề xuất các nhiệm vụ cần thiết đặt hàng cho KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của các chính quyền địa phương



Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ

khá mờ nhạt. Thực hiện nhiệm vụ đặt hàng là các tổ chức có đăng ký hoạt động KH&CN (bao gồm cả doanh nghiệp KH&CN), điều này rõ ràng hơn so với Luật KH&CN 2000, có thể coi như một biện pháp kiểm soát điều kiện ban đầu.

Việc minh bạch hóa các nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước, tránh trùng lặp được thực hiện theo các quy định về thông tin báo cáo và công bố các nhiệm vụ KH&CN tại Điều 27. Điều này đặc biệt hữu ích, khắc phục tình trạng nghiên cứu lặp lại nội dung mà các địa phương khác đã thực hiện, thay vì có thể chuyển giao hoặc kế thừa phát triển, tránh lãng phí ngân sách nhà nước.

Quy định về đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Điều 39) và trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức thực hiện ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN (Điều 40) giúp cho việc đưa nhanh các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN vào cuộc sống. Thậm chí có các quy định mang tính bắt buộc trong việc thực hiện trách nhiệm triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, nếu không sẽ bị xử lý hành chính (Điều 44).

Cơ chế khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN còn được thể hiện rõ trong việc ưu đãi thuế và tín dụng khi ứng dụng các kết quả này, hoặc sử dụng như là tiêu chí ưu tiên khi xét tuyển chọn, giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, được hỗ trợ từ các quỹ của nhà nước trong lĩnh vực KH&CN (Điều 45). Luật cũng quy định về lập hạng mục chi của các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN xây dựng luận cứ hoặc giải quyết

các vấn đề KH&CN phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đó (Điều 46).

Luật KH&CN 2013 còn quy định cụ thể cơ chế giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu cho các tổ chức chủ trì nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng hoặc thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu (nội dung này tuy đã được đề cập trong Luật Chuyển giao công nghệ 2006, nhưng chưa cụ thể rõ đại diện chủ sở hữu nhà nước để có thể thực hiện được). Luật cũng quy định đảm bảo các quyền cho tác giả nghiên cứu, khi kết quả nghiên cứu được thương mại hóa, tác giả được phân chia tối thiểu 30% giá trị lợi nhuận.

Đầu tư và cơ chế tài chính cho KH&CN

Nội dung đổi mới nhiều nhất trong Luật KH&CN 2013 là về cơ chế đầu tư và tài chính cho hoạt động KH&CN. Luật chỉ rõ: nhà nước bảo đảm chi cho KH&CN từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH&CN. Ngân sách cho hoạt động KH&CN được ghi thành mục riêng trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm, nội dung chi cũng được quy định cụ thể. Vấn đề xây dựng phân bổ ngân sách này quy định cụ thể sự tham gia của các cơ quan quản lý về KH&CN (Điều 51), giúp cho việc sử dụng nguồn ngân sách “ít ỏi” này sát mục đích hơn, điều mà trước đây thường không có cơ chế cụ thể. Các cơ chế đầu tư đặc biệt cho KH&CN cũng được đề cập để thực hiện các dự án có tác động lớn đến năng suất và sức cạnh tranh quốc gia, hay an ninh quốc phòng.

Các vấn đề huy động nguồn vốn xã hội được quy định trong việc nhà nước khuyến khích thành lập các quỹ hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động KH&CN: quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đổi mới công nghệ, quỹ phát triển KH&CN của các thành phần kinh tế (Điều 59). Nhưng trực tiếp nhất là các doanh nghiệp được thành lập các quỹ phát triển KH&CN được trích từ thu nhập tính thuế của doanh nghiệp nhằm đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng. Đối với doanh nghiệp nhà nước, việc thành lập quỹ phát triển KH&CN là bắt buộc (Điều 63). Quỹ phát triển KH&CN của các doanh nghiệp có thể “liên thông” với Quỹ phát triển KH&CN địa phương bằng cách đóng góp vào quỹ địa phương và được hưởng quyền lợi theo quy định. Cơ chế này có thể giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa (chỉ có thể trích Quỹ phát triển KH&CN rất ít), nhưng vẫn có thể vay vốn ưu đãi để đổi mới công nghệ (thường khá

lớn) từ các quỹ địa phương mà mình đóng góp một cách thuận lợi.

Cơ chế tài chính áp dụng việc khoán chi cho thực hiện nhiệm vụ KH&CN được áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mục tiêu, nội dung, yêu cầu về sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí. Khoán chi có thể đến sản phẩm cuối cùng nếu xác định rõ tiêu chí đối với sản phẩm. Trường hợp nhiệm vụ không thể khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và những nhiệm vụ KH&CN có tính rủi ro cao, việc khoán chi được thực hiện đối với từng phần công việc đã xác định rõ tiêu chí. Điều 52 cũng quy định về sử dụng ngân sách nhà nước để mua kết quả KH&CN. Với phương thức khoán chi này, các cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ sẽ không mất nhiều thời gian cho việc hợp thức các chứng



"Cởi trói" cơ chế tài chính cho nghiên cứu khoa học sử dụng vốn ngân sách

từ để quyết toán theo quy định, đồng thời chủ động hơn trong việc sử dụng kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu.

Cấp kinh phí thông qua hình thức Quỹ phát triển KH&CN, khắc phục việc cấp phát kinh phí theo niên độ tài chính ngân sách không phù hợp với đặc thù hoạt động KH&CN. Việc cấp phát kinh phí thực hiện không phụ thuộc năm tài chính cho phép thực hiện các nhiệm vụ KH&CN kịp thời. Việc xem xét các đề xuất nhiệm vụ KH&CN được tiến hành thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động quản lý, tránh xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN như trước đây (thường tiến hành trước đến 2 năm). Các vấn đề bức xúc từ thực tế phát triển kinh

tế - xã hội thường được nghiên cứu giải quyết không kịp thời. Nhiều vấn đề được đưa vào kế hoạch để chuẩn bị triển khai thì trong thực tế đã trở thành lạc hậu. Việc cấp phát thanh toán qua Quỹ phát triển KH&CN cũng góp phần thực hiện cơ chế khoán nêu trên một cách hoàn chỉnh hơn, tránh “đụng” các quy định khi thanh toán tại Kho bạc nhà nước.

Vấn đề triển khai tại địa phương

Việc triển khai các quy định mới của Luật KH&CN 2013 tại địa phương trước hết cần phải tuân thủ và kịp thời cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn thi hành của trung ương thành các quy định phù hợp, đảm bảo tinh thần đổi mới, quán triệt đầy đủ trong các văn bản pháp quy của địa phương.

Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN (thay thế Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND) phù hợp với quy định mới của Luật KH&CN 2013, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, trên cơ sở vận dụng các quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia (Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN về xác định nhiệm vụ, Thông tư số 09/2014/TT-BKH&CN về quản lý nhiệm vụ KH&CN, Thông tư số 10/2014/TT-BKH&CN về tuyển chọn và giao nhiệm vụ KH&CN, Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN về nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN). Tuy nhiên, để triển khai đồng bộ việc quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh với cơ chế tài chính mới, cần khẩn trương tham mưu cụ thể hóa Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN về “*Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước*”.

Những vấn đề về nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, nhiệm vụ nhân rộng hiện nay của tỉnh cũng cần xem xét điều chỉnh, sắp xếp gắn với các nhiệm vụ chức năng thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp KH&CN. Điều này vừa tránh việc sử dụng không đúng nguồn vốn và đối tượng, vừa tăng tính đáp ứng giữa hoạt động của các đơn vị sự nghiệp KH&CN với giải quyết các nhu cầu cụ thể về chuyển giao và ứng dụng KH&CN mới nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong giai đoạn 2016-2020, việc tham mưu Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về KH&CN cũng cần xem xét các phương thức mới, phù hợp với các quy định của Luật KH&CN 2013 (nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ theo Nghị định số 119/1999/NĐ-CP hết hiệu lực) và các quy định về hội nhập kinh tế quốc tế mà nước ta tham



Nghiên cứu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm sản xuất cà phê chè bền vững tại Lâm Đồng

gia hoặc có hiệu lực năm 2015 như hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 6 nước đối tác (RCEP), FTA với Liên minh châu Âu, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA Việt Nam - Hàn Quốc, tiếp tục cắt giảm thuế quan theo cam kết tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)...

Vấn đề chuyển đổi Quỹ phát triển KH&CN địa phương nhằm thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về “*Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN*” và Thông tư số 03/2015/TT-BKH&CN ban hành “*Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*” cần đảm bảo theo hướng phục vụ tốt hơn cho việc phát triển KH&CN địa phương, tăng cường hỗ trợ hoạt động ứng dụng KH&CN vào thực tế sản xuất và đời sống theo đúng tinh thần Nghị quyết 20-NQ/TW. Đồng thời cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ cần đảm bảo phù hợp với yêu cầu tinh giảm biên chế của địa phương. Việc thực hiện Quỹ là rất cần thiết, nhằm mở ra cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp với thông lệ thương mại quốc tế, giúp doanh nghiệp tăng cường hoạt động đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh trong điều kiện hội nhập.

Triển khai thực hiện đổi mới quản lý và tài chính trong hoạt động KH&CN là một nội dung quan trọng để phát triển KH&CN trong giai đoạn hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc. Tuy nhiên, việc thực hiện các đổi mới này cần phải đồng bộ với việc đổi mới về tổ chức và phát triển nguồn nhân lực KH&CN mới mang lại hiệu quả. ■

NHIỀU ĐIỂM MỚI TRONG KHOẢN CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Vụ Kế hoạch - Tổng hợp
Bộ Khoa học và Công nghệ

Ngày 30/12/2015, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) và Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư 27). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/02/2016, thay thế Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 04/10/2006 của liên Bộ Tài chính và Bộ KH&CN hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN (Thông tư 93). Thông tư 27 quy định chế độ khoán chi theo tinh thần đổi mới cơ chế tài chính cho KH&CN.

Đổi mới phương thức khoán chi

Các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo 2 hình thức khoán: khoán chi từng phần, hoặc khoán chi đến sản phẩm cuối cùng. Nếu tại Thông tư 93, các nhiệm vụ KH&CN chỉ được khoán chi một phần (thuê khoán chuyên môn; chi khác; chi nguyên, nhiên, vật liệu có định mức kinh tế - kỹ thuật) thì tại Thông tư 27, các nhiệm vụ KH&CN có thể được khoán chi tới sản phẩm cuối cùng, nghĩa là thực hiện khoán chi toàn bộ kinh phí thực hiện nhiệm vụ (cả các nội dung mua sắm trang thiết bị khoa học, nguyên, nhiên, vật liệu dành cho nghiên cứu, đoàn ra).

Tùy thuộc từng nhiệm vụ, trên cơ sở đánh giá, tư vấn của hội đồng khoa học, cơ quan quản lý sẽ xem xét, xác định hình thức thực hiện khoán chi.

Khi đã nhận thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, nhiệm vụ sẽ không được điều chỉnh phương thức khoán trong quá trình triển khai; không được điều chỉnh tổng mức kinh phí được giao khoán; không được điều chỉnh tên, mục tiêu và sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ.

Các nhiệm vụ không đủ điều kiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng thì thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần. Các phần công việc khoán chi, phần công việc không khoán chi được xác định trên cơ sở thuyết minh của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ. Trong phương thức khoán chi từng phần, chi mua sắm, sửa chữa, đoàn ra, mua nguyên, nhiên, vật liệu chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật sẽ không được giao khoán.

Giao quyền chủ động cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ trong sử dụng kinh phí khoán

Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ động xây dựng phương án triển khai các nội dung công việc



Nghiệm thu đề tài Điều tra đánh giá trữ lượng, chất lượng nước khoáng nóng Đạ Long và Đạ Tông, huyện Đam Rông

được giao khoán, trong đó được quyền điều chỉnh mục chi, nội dung chi, định mức chi, kinh phí giữa các phần công việc được giao khoán (đảm bảo trong phạm vi tổng mức kinh phí được giao khoán, phù hợp với quy định chi tiêu của các nhiệm vụ tại Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức chủ trì), trình thủ trưởng tổ chức chủ trì phê duyệt trước khi triển khai nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, phù hợp với các vấn đề phát sinh trong thực tế triển khai nhiệm vụ.

Kinh phí tiền công lao động trực tiếp cho các cá nhân thực hiện nhiệm vụ thuộc tổ chức chủ trì được chuyển vào quỹ tiền lương, tiền công của tổ chức chủ trì và được chi theo phương án đã được thủ trưởng tổ chức chủ trì phê duyệt. Kinh phí chi quản lý chung nhiệm vụ được coi là nguồn thu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ để bổ sung kinh phí phục vụ quá trình quản lý và thực hiện các nhiệm vụ.

Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ tự quyết định việc mua sắm đối với nội dung mua sắm được giao khoán và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình; đồng thời phải đảm bảo chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo đúng quy định pháp luật.

Sử dụng kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

Kinh phí tiết kiệm từ kinh phí được giao khoán được hạch toán là nguồn thu khác của tổ chức chủ trì; thủ trưởng tổ chức chủ trì quyết định phương án sử dụng kinh phí này theo Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức chủ trì.

Kinh phí tiết kiệm từ kinh phí không được giao khoán thực hiện sẽ được trích nộp các Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của tổ chức chủ trì, Quỹ phát triển KH&CN của cơ quan phê duyệt nhiệm vụ để tiếp tục phát triển công tác nghiên cứu khoa học của các đơn vị.

Đơn giản hóa các thủ tục thanh toán kinh phí

Theo quy định kiểm soát chi hiện hành đối với ngân sách sự nghiệp, Kho bạc nhà nước nơi giao dịch sẽ thực hiện kiểm soát chi căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ chi tiết. Tuy nhiên, với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục trong thanh quyết toán kinh phí khoa học, tại Thông tư số 27, liên Bộ KH&CN và Bộ Tài chính đã quy định đơn giản hóa thủ tục thanh toán theo hướng Kho bạc nhà nước chỉ thực hiện kiểm soát chi theo bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện thay cho việc kiểm soát trên các hóa đơn, chứng từ chi tiết. Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện do tổ chức chủ trì lập căn cứ vào thực tế khối lượng công việc đã triển khai và được đơn vị quản lý kinh phí xác nhận.

Trên thực tế, quy định trên cũng đã được Bộ Tài chính và Bộ KH&CN thống nhất thực hiện ở quy mô nhỏ, khi triển khai các Chương trình KH&CN trọng điểm quốc gia, Chương trình KH&CN quốc gia (như Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao...) và đạt được kết quả tích cực, tạo sự đồng thuận cao của các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm vụ.

Đổi mới trong quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Nếu theo quy định trước đây, nhiệm vụ KH&CN phải quyết toán theo niên độ ngân sách, thì theo quy định tại Thông tư 27, nhiệm vụ KH&CN được quyết toán một lần sau khi hoàn thành và các bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng theo phương thức quyết toán tổng hợp các nội dung được khoán chi và các nội dung không được khoán chi.

Đối với nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong nhiều năm, tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo đơn vị quản lý kinh phí về số kinh

Để được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, nhiệm vụ cần thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện:

(1) Nhiệm vụ được tổ chức chủ trì, chủ nhiệm vụ thuyết minh và đề xuất thực hiện phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng;

(2) Sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ đã được xác định rõ tên sản phẩm cụ thể; chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được; số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra; địa chỉ ứng dụng;

(3) Nhiệm vụ có tổng dự toán nguồn ngân sách nhà nước đối với các nội dung mua sắm, sửa chữa, đoàn ra chiếm không quá 15% tổng dự toán nguồn ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ và không quá 1 tỷ đồng;

(4) Được Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ xem xét và đề xuất khoán chi đến sản phẩm cuối cùng;

(5) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí.

phí thực nhận và thực chi trong năm để đơn vị quản lý kinh phí tổng hợp số kinh phí thực nhận, thực chi của nhiệm vụ vào quyết toán của đơn vị theo niên độ ngân sách. Cuối năm, số dư dự toán, số dư tạm ứng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện.

Chế tài xử lý đối với các nhiệm vụ không hoàn thành

Ngoài chế tài về xử lý kinh phí được nêu cụ thể tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ, Thông tư còn quy định chế tài về quyền được tham gia các nhiệm vụ KH&CN tiếp theo.

Tổ chức chủ trì chưa thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Chủ nhiệm vụ, các thành viên chính và thư ký khoa học tham gia thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức chủ trì chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí cho ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

(Xem tiếp trang 11)

NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN HỮU NAM

Sở Khoa học và Công nghệ

Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) năm 2013, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN 2013 đã được ban hành và có hiệu lực. Trên cơ sở đó, Bộ KH&CN đã ban hành các thông tư về xác định nhiệm vụ KH&CN; quản lý nhiệm vụ KH&CN; tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN; nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN. Hệ thống các văn bản mới về KH&CN có nhiều điểm mới so với quy định cũ như: quy định việc đặt hàng nhiệm vụ KH&CN; các hình thức nhiệm vụ KH&CN; điều kiện tham gia tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN; quản lý các nhiệm vụ KH&CN; trách nhiệm của cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan chủ trì trong ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học...

Trên cơ sở đó, ngày 18/5/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND (Quyết định 42) quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN tỉnh Lâm Đồng. Quyết định 42 thể hiện đầy đủ những điểm mới theo tinh thần của Luật KH&CN năm 2013 và các văn bản liên quan, thay thế Quyết định số 32/2007/QĐ-UB (Quyết định 32) ngày 13/9/2007.

1. Đặt hàng nhiệm vụ KH&CN

Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bao gồm: Chương trình KH&CN; Đề án khoa học; Đề tài KH&CN; Dự án sản xuất thử nghiệm; Dự án KH&CN; Đề tài, dự án KH&CN tiềm năng.

Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo hình thức đặt hàng từ các sở, ngành, địa phương. Theo đó, định kỳ hoặc dựa vào tính cấp thiết, các sở, ngành, địa phương xem xét, lựa chọn *đề xuất đặt hàng*, hoặc có thể mời chuyên gia, nhóm chuyên gia, tổ chức, cơ quan dự kiến hưởng thụ kết quả nghiên cứu tham gia xây dựng *đề xuất đặt hàng* và gửi Sở KH&CN. Đối với những vấn đề KH&CN có tính liên ngành, các ngành cần xem xét, phối hợp xây dựng đề xuất.

Ngoài ra, dựa vào các đề xuất nhiệm vụ KH&CN của các đơn vị, tổ chức, cá nhân gửi đến, Sở KH&CN sẽ tổng hợp những vấn đề KH&CN cấp thiết gửi các sở, ngành, địa phương tham khảo để xây dựng *đề xuất đặt hàng*. Đề

Năm 2011: có 12 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh được phê duyệt, trong đó lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghiệp - 1; khoa học nông nghiệp - 7; khoa học y dược - 1; khoa học xã hội và nhân văn - 3.

Nghiệm thu 24 đề tài, dự án; kết quả 5 tốt, 19 khá.

Năm 2012: có 14 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh được phê duyệt, trong đó lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghiệp - 4; khoa học nông nghiệp - 7; khoa học môi trường - 1; khoa học xã hội và nhân văn - 2.

Nghiệm thu chính thức 26 đề tài, dự án; kết quả 2 tốt, 22 khá, 2 trung bình.

Năm 2013: có 13 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh được phê duyệt, trong đó lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghiệp - 1; khoa học nông nghiệp - 8; khoa học môi trường - 2; khoa học xã hội và nhân văn - 2.

Nghiệm thu chính thức 16 đề tài, dự án; kết quả 2 tốt, 13 khá, 1 trung bình.

Năm 2014: có 10 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh được phê duyệt, trong đó lĩnh vực khoa học nông nghiệp - 4; khoa học y dược - 1; khoa học môi trường - 2; khoa học xã hội và nhân văn - 3.

Nghiệm thu chính thức 12 đề tài, dự án; kết quả 1 xuất sắc, 1 tốt, 10 khá.

Năm 2015: có 9 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh được phê duyệt, trong đó lĩnh vực khoa học nông nghiệp - 5; khoa học môi trường - 1; khoa học xã hội và nhân văn - 3.

Nghiệm thu chính thức 17 đề tài, dự án; kết quả 1 xuất sắc, 15 khá, 1 trung bình.

xuất đặt hàng đáp ứng yêu cầu (đầy đủ thông tin trong phiếu đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo; có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất), Sở KH&CN sẽ tham mưu trình UBND tỉnh thành lập hội đồng xác định nhiệm vụ để xem xét cho 01 hoặc nhiều đề xuất đặt hàng và đề nghị thực hiện khi có từ $\frac{3}{4}$ số thành viên đánh giá "đạt yêu cầu".

Như vậy, theo quy định mới, việc xác định nhiệm vụ được thực hiện hàng quý so với 01 lần/năm theo Quyết định 32.

2. Điều kiện chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải là tổ chức KH&CN (được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN).

Đơn vị chủ trì (tổ chức KH&CN) không được đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN khi:

- Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các dự án trước đây;

- Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác chậm trên 30 ngày so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu mà không có ý kiến chấp thuận của Sở KH&CN;

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ hoặc sau khi kết thúc nhiệm vụ mà không triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống;

- Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước;

- Không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định.

Cá nhân không được đăng ký chủ nhiệm vụ KH&CN khi:

- Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

- Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh chậm theo quy định hiện hành từ 30 ngày đến 6 tháng mà không có ý kiến chấp thuận của Sở KH&CN;

- Cá nhân chủ nhiệm vụ KH&CN được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” mà không được Sở KH&CN gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả;

- Nhiệm vụ KH&CN các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Đăng ký, ứng dụng kết quả nghiên cứu

Quyết định 42 quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý, cơ quan đề xuất đặt hàng và đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Theo đó, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm có trách nhiệm trực tiếp hoặc phối hợp trong ứng dụng kết quả sau nghiệm thu, nếu không thực hiện sẽ bị xử lý theo quy định và không được chủ trì thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 3 năm; nếu không đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN với cơ quan có thẩm quyền sẽ xử lý theo quy định và

không được tham gia chủ trì nhiệm vụ trong thời gian 2 năm.

Cơ quan đề xuất đặt hàng phối hợp với cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN kiểm tra, theo dõi, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ; triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu và báo cáo kết quả ứng dụng định kỳ hàng năm.

4. Hội đồng tư vấn KH&CN

Theo quy định tại Quyết định 32, Hội đồng tư vấn KH&CN cấp tỉnh gồm 3 loại: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN do UBND tỉnh ra quyết định thành lập hàng năm; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN do UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&CN thành lập; Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Theo quy định mới tại Quyết định 42, UBND tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở tham mưu của Sở KH&CN và giao Giám đốc Sở KH&CN ra quyết định thành lập các hội đồng còn lại.

Các hội đồng có sự thay đổi về số lượng và thành phần như sau: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN có 9-11 thành viên gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên; Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án, dự án KH&CN, đề án khoa học có 9 thành viên; Hội đồng tư vấn xác định chương trình KH&CN có 11 thành viên. Trường hợp đặc biệt, UBND tỉnh có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại Quyết định 42.

Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN; đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có 9 thành viên gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 2 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên.

5. Quản lý nhiệm vụ KH&CN

Các đơn vị tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong thành phần hồ sơ phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN (trước đây là không bắt buộc). Thời gian tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ KH&CN rút ngắn còn 30 ngày làm việc (trước đây là 60 ngày).

Tại Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN, các thành viên hội đồng xem xét, đánh giá trực tiếp trên các hồ sơ tham gia tuyển chọn, cơ quan chủ trì không được trình bày trước hội đồng so với quy định trước đây. Tuy nhiên, theo quy định mới, cá nhân được tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn cử làm chủ

nhiệm vụ KH&CN trình bày tóm tắt trước hội đồng đề cương nghiên cứu, đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc từng phần, trả lời các câu hỏi của thành viên hội đồng, sau đó không tiếp tục tham dự phiên họp của hội đồng.

Theo quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, Chủ tịch UBND tỉnh ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh. Vận dụng vào thực tế địa phương, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ủy quyền cho Sở KH&CN ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức, cá nhân chủ trì. Sau khi ký hợp đồng, định kỳ 6 tháng/lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN xây dựng báo cáo tiến độ hoặc nội dung gửi Sở KH&CN. Đây là điểm giống nhau của quy định cũ và mới. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không thực hiện báo cáo tiến độ từ 02 lần trở lên, sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

UBND tỉnh có trách nhiệm trong việc điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã phê duyệt về tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; Sở KH&CN có trách nhiệm điều chỉnh các nội dung khác theo hợp đồng đã ký. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ được thực hiện 1 lần và không quá 6 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng; không quá 12 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên (so với quy định cũ cho phép điều chỉnh 1 lần, tối đa 90 ngày); trường hợp đặc biệt do UBND tỉnh quyết định.

6. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN

Theo quy định trước đây, tổ chức chủ trì phải tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở trước khi hoàn tất hồ sơ để nghiệm thu chính thức. Tại hội đồng nghiệm thu chính thức, các thành viên hội đồng đánh giá, xếp loại theo các mức: tốt, khá, trung bình và không đạt yêu cầu.

Theo hướng dẫn tại Quyết định 42, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (đánh giá chất lượng báo cáo tổng kết, số lượng và chất lượng các sản phẩm theo đăng ký với 3 mức: xuất sắc, đạt, không đạt) trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở KH&CN.

Tại hội đồng nghiệm thu chính thức, các thành viên hội đồng đánh giá, xếp loại theo 3 mức: xuất sắc, đạt và không đạt.

Hồ sơ nghiệm thu nộp chậm so với quy định quá 6 tháng mà không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền thì được đánh giá “không đạt”.

Có thể nói, Quyết định 42 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN đã góp phần tăng cường trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong việc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; nâng cao chất lượng nghiên cứu; hạn chế việc chậm trễ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; quy định trách nhiệm triển khai ứng dụng vào thực tiễn sau khi nghiệm thu nhiệm vụ của đơn vị đề xuất đặt hàng, đơn vị chủ trì; giúp việc quản lý nhiệm vụ KH&CN của tỉnh tiếp tục đi vào nề nếp, hợp lý và khoa học hơn. ■

NHIỀU ĐIỂM MỚI TRONG KHOẢN CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC...

(Tiếp theo trang 8)

Chế tài này sẽ góp phần thúc đẩy tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được Nhà nước đặt hàng, tránh do các lỗi chủ quan dẫn đến nhiệm vụ không hoàn thành và phải nộp trả kinh phí cho ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức chủ trì và những người trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Thông tư 27 đã góp phần cụ thể hóa việc đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN thông qua các quy định về phương thức khoán chi, trao quyền chủ động cho chủ nhiệm

nhiệm vụ và tổ chức chủ trì trong việc sử dụng kinh phí, đơn giản hóa thủ tục thanh quyết toán kinh phí. Cùng với tiến trình đổi mới từ khâu xác định, tuyển chọn, xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN; đổi mới cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Thông tư 27 sẽ góp phần thực hiện tốt Nghị quyết 20-NQ/TW về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. ■

Theo Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam

PHONG TRÀO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ SÁNG TẠO KỸ THUẬT CỦA TUỔI TRẺ TỈNH LÂM ĐỒNG

TRẦN THỊ CHÚC QUỲNH

Bí thư Tỉnh Đoàn Lâm Đồng

Qúa trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã và đang tác động mạnh mẽ đến nước ta nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng, đặt ra những thuận lợi đan xen với thách thức, khó khăn đối với tổ chức Đoàn và tuổi trẻ.

Trong bối cảnh chung đó, việc phát triển các phong trào nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài và có ý nghĩa thực tiễn đối với chương trình phát triển nguồn nhân lực của địa phương. Trong nhiều năm qua, Tỉnh Đoàn Lâm Đồng luôn chú trọng phát triển phong trào nghiên cứu khoa học và sáng tạo kỹ thuật của tuổi trẻ tỉnh nhà. Các cấp bộ Đoàn của tỉnh đã đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học công nghệ của thanh niên, học sinh, sinh viên vào cuộc sống; hỗ trợ tiếp cận, tham gia nghiên cứu, sáng tạo khoa học kỹ thuật, nhất là lĩnh vực công nghệ cao, phục vụ thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội, gắn kết với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

Triển khai phong trào “Sáng tạo trẻ” trong đoàn viên, thanh niên, Tỉnh Đoàn đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh tuyên truyền về khoa học và công nghệ như: xây dựng “Chuyên mục khoa học và công nghệ” trên website Tỉnh Đoàn Lâm Đồng; giới thiệu các gương điển hình trong lĩnh vực sáng tạo khoa học kỹ thuật trên tờ Thông tin thanh niên; tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao kiến thức cho đoàn viên, thanh niên, đưa nhanh tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống; phát triển các câu lạc bộ khoa học kỹ thuật trẻ, khuyến nông, khuyến công... hình thành mạng lưới tuyên truyền, kỹ thuật viên chuyển giao khoa học công nghệ cho đoàn viên, thanh niên; phát triển số lượng và quy mô của các mô hình thanh niên ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là các mô hình sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện Chương trình phối hợp giữa Trung ương Đoàn với Bộ Khoa học và Công nghệ; Chương trình phát triển thanh niên Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015, Tỉnh Đoàn Lâm Đồng đã phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ xây



Cuộc thi Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức ngày càng khơi dậy niềm say mê sáng tạo của học sinh

dựng Chương trình phối hợp về “Phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên trong học tập, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống”.

Bên cạnh đó, các cấp bộ Đoàn trong tỉnh đã tổ chức các phong trào thi đua lao động sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật vào quá trình học tập và làm việc. Đến nay, đã có 455 công trình, đề tài nghiên cứu khoa học, sản phẩm sáng tạo; trong đó 178 công trình, đề tài được tuyên dương với giá trị làm lợi hơn 15 tỷ đồng. Hàng năm, Tỉnh Đoàn thường xuyên tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tham gia các giải thưởng khoa học và công nghệ do Trung ương Đoàn tổ chức như: “Người thợ trẻ giỏi”, “Lương Định Của”, “Quả cầu vàng”.... Từ năm 2012 đến nay, đã có 29 đoàn viên, thanh niên khối nông thôn của tỉnh đạt giải thưởng “Lương Định Của”.

Trong 10 năm qua, Tỉnh Đoàn đã giới thiệu hơn 100 đề tài, giải pháp tham gia Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng và Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng. Năm 2015, Tỉnh Đoàn đã phát động Hội thi Sáng tạo trẻ tỉnh Lâm Đồng lần thứ II, thu hút 27 giải pháp tham dự của đoàn viên, thanh thiếu nhi trong tỉnh. Có thể kể đến một số điển hình tiêu biểu trong phong trào “Sáng tạo trẻ” của tỉnh như gương thanh niên Nguyễn Hồng Chương được Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao chứng nhận “Điển hình sáng tạo Việt Nam” với chiếc máy gieo hạt nông



Trao giải nhất phần thi Lập trình trên phần cứng Arduino tại Hội thi Tin học trẻ tỉnh Lâm Đồng

nghiệp tiết kiệm giống; em Lê Bảo Ngọc (trường PTTT Bảo Lộc) với đề tài: “Thuốc trừ sâu từ hạt Bình bát” đạt giải nhất Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng toàn quốc lần thứ 7; nhóm học sinh Vũ Nhật Tài, Đoàn Ngọc Anh, Đỗ Ngọc Hoàng, lớp 11 Lý, Trường THPT chuyên Thăng Long - Đà Lạt với phần mềm sáng tạo “Simple protect” đạt giải nhất tại Hội thi Tin học trẻ toàn quốc; em Đặng Bảo Long, lớp 8A4, Trường THCS Ninh Gia - Đức Trọng đạt giải nhất cấp quốc gia với mô hình “Rào chắn thông minh”...

Nhằm tạo sân chơi bổ ích, đẩy mạnh phong trào ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, hàng năm, Tỉnh Đoàn phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh... tổ chức Hội thi Tin học trẻ tỉnh Lâm Đồng. Qua 22 lần tổ chức, Hội thi đã thu hút trên 3.475 thí sinh ở 3 cấp học tham dự; qua đó đã tuyển chọn đội tuyển tham gia Hội thi Tin học trẻ toàn quốc và đạt kết quả cao như: em Vũ Nhật Tài, Đoàn Ngọc Anh, Đỗ Ngọc Hoàng, lớp 11 Lý, trường THPT chuyên Thăng Long - Đà Lạt đạt giải nhất phần mềm sáng tạo năm 2011; em Dương Thái Minh, lớp 9A4, trường THCS Tân Hà - Lâm Hà giải nhì bảng B khối trung học cơ sở năm 2013... Ngoài ra, Tỉnh Đoàn còn triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực trẻ ứng dụng công nghệ thông tin như: hướng nghiệp cho thanh niên theo học và làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin; cấp học bổng, hỗ trợ phương tiện học tập và bảo trợ phát triển chuyên môn cho các tài năng trẻ.

Nhằm nâng cao hiệu quả triển khai chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu niên, năm 2012, Tỉnh Đoàn đã triển khai công trình thanh niên “Trang bị máy vi tính và kết nối Internet tại Văn phòng Đoàn các xã, phường, thị trấn”. Đến nay, 147 văn phòng đoàn xã, phường,

thị trấn được trang bị máy vi tính kết nối internet với tổng kinh phí 1,2 tỷ đồng. Tỉnh Đoàn đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai phần mềm quản lý đoàn viên toàn tỉnh (năm 2015) và thực hiện dự án “Chuyển giao hệ thống thư viện điện tử điểm thông tin khoa học công nghệ cho các tổ chức Đoàn thanh niên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng” (năm 2016).

Phát huy phong trào sáng tạo kỹ thuật của tuổi trẻ

Để thực hiện đồng bộ, hiệu quả và phát triển phong trào nghiên cứu khoa học và sáng tạo kỹ thuật của tuổi trẻ tỉnh nhà trong thời gian tới, Ban thường vụ Tỉnh Đoàn đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, chú trọng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức sáng tạo trong đoàn viên, thanh thiếu nhi. Phối hợp với các ngành tổ chức các hội thi tay nghề, sáng tạo kỹ thuật... nhằm khuyến khích đoàn viên, thanh thiếu nhi tham gia. Kịp thời khen thưởng, động viên các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sáng tạo, nghiên cứu khoa học.

Hai là, tăng cường công tác tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đầu tư cơ sở vật chất và tinh thần triển khai hiệu quả phong trào “Sáng tạo trẻ”, các hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai các công trình sáng tạo mang tính thực tiễn cao trong đoàn viên, thanh niên.

Ba là, khuyến khích xây dựng các mô hình sáng tạo khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin, các câu lạc bộ, đội, nhóm sáng kiến trẻ, thu hút sự tham gia của đoàn viên, thanh niên, công nhân viên chức và các lao động trẻ tạo thành một phong trào lớn.

Bốn là, thường xuyên tổ chức và nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn như: “Festival Sáng tạo trẻ”, hội thi “Tin học trẻ”, hội thi “Sáng tạo trẻ”, Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng và Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng... Xây dựng kế hoạch, biện pháp đầu tư hiệu quả để đưa nhanh các sáng kiến vào ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và đời sống.

Năm là, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai phong trào “Sáng tạo trẻ” ở cơ sở; hướng dẫn các cấp bộ Đoàn tìm kiếm những mô hình mới, những gương thanh niên trong hoạt động sáng tạo, nghiên cứu khoa học để nhân rộng theo đặc thù ở từng cơ sở, địa phương. ■

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

TS. TRỊNH THỊ TÚ ANH

Trường Đại học Đà Lạt

Trong những năm qua, Trường Đại học Đà Lạt luôn xem hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng của tập thể cán bộ, giảng viên, nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển, phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học, giải quyết một số vấn đề khoa học và thực tiễn; ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

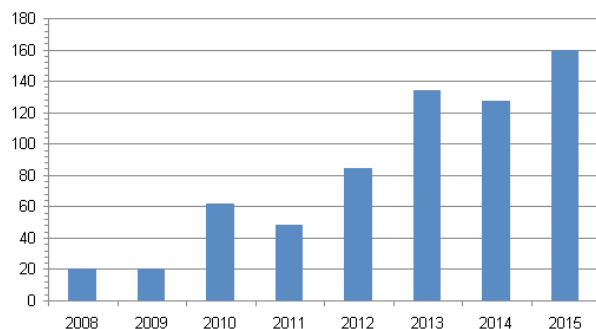
Hoạt động NCKH của sinh viên trường Đại học Đà Lạt gồm nghiên cứu cơ bản; nghiên cứu ứng dụng; nghiên cứu triển khai và nghiên cứu thăm dò. Nội dung NCKH của sinh viên gồm: thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, câu lạc bộ khoa học sinh viên, các giải thưởng khoa học và công nghệ, hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật; triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục - đào tạo, an ninh - quốc phòng; công bố các kết quả nghiên cứu khoa học tại hội nghị NCKH hàng năm của khoa, trường...

Thực trạng nghiên cứu khoa học trong sinh viên

Hàng năm, giảng viên sẽ lựa chọn những sinh viên có khả năng và đề xuất đề tài nghiên cứu. Trên cơ sở tư vấn và xét duyệt của nhà trường, giảng viên và sinh viên sẽ hoàn thành bản thuyết minh đề tài và bảo vệ trước hội đồng. Sau khi được phê duyệt, sinh viên tiến hành nghiên cứu đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên; tham gia các buổi seminar, hội nghị, hội thảo... Một số khoa còn yêu cầu sinh viên báo cáo nội dung nghiên cứu trong các buổi sinh hoạt chuyên môn và gửi công bố trên các tạp chí phù hợp. Hình 1 cho thấy nguồn kinh phí hỗ trợ NCKH của sinh viên tăng trong giai đoạn 2008-2015 với bước nhảy vọt vào các giai đoạn 2009-2010 (từ 20 triệu đồng lên 62 triệu đồng), 2011-2015 (từ 48 triệu đồng lên 160 triệu đồng). Điều này cho thấy nhà trường đã tích cực quan tâm và đầu tư tài lực cho NCKH trong sinh viên.

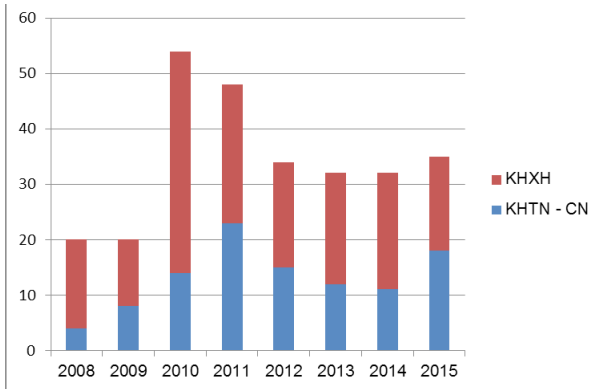
Bảng. Số lượng và kinh phí hỗ trợ các đề tài NCKH của sinh viên giai đoạn 2008-2015

Năm	Số đề tài	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
2008	20	20
2009	20	20
2010	54	62
2011	48	48
2012	34	84
2013	32	134
2014	32	127
2015	35	160



Hình 1. Kinh phí hỗ trợ NCKH của sinh viên giai đoạn 2008-2015 (triệu đồng)

Năm 2010 đánh dấu số lượng đề tài NCKH sinh viên nhiều nhất trong giai đoạn 2008-2015, đồng thời cũng là bước nhảy vọt so với năm 2008-2009 (từ 20 đề tài/năm lên 54 đề tài/năm, tuy nhiên, kinh phí chi cho mỗi đề tài còn thấp (khoảng 1 triệu đồng/đề tài). Số lượng đề tài NCKH của sinh viên giảm đều trong giai đoạn 2010-2013 (22 đề tài) và tăng nhẹ vào giai đoạn 2014-2015 (3 đề tài). Bên cạnh đó, số lượng đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội luôn nhiều hơn so với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên - công nghệ. Số lượng đề tài khoa học tự nhiên - công nghệ có xu hướng tăng trong giai đoạn 2008-2011 (từ 4 đề tài/năm lên 23 đề tài/năm) và giảm trong giai đoạn 2011-2014 (12 đề tài). Năm 2015, số lượng đề tài tăng nhẹ (18 đề tài so với năm 2014) và là năm đầu tiên số lượng đề tài khoa học tự nhiên - công nghệ nhiều hơn đề tài khoa học xã hội.



Hình 2. Số lượng đề tài NCKH của sinh viên lĩnh vực khoa học tự nhiên - công nghệ và khoa học xã hội giai đoạn 2008-2015

Giai đoạn 2011-2015 là giai đoạn nâng cao chất lượng NCKH với số lượng đề tài giảm nhưng kinh phí cho hoạt động nghiên cứu tăng bình quân hơn 3 triệu đồng/đề tài và cao nhất là 4,6 triệu đồng/đề tài (2015).

Các đề tài khoa học tự nhiên - công nghệ, đặc biệt là những đề tài mang tính ứng dụng, được đầu tư mức tối đa là 5 triệu đồng/đề tài (2013-2015) so với mức tối đa 4 triệu đồng/đề tài đối với đề tài khoa học xã hội (do nhu cầu mua trang thiết bị, vật liệu thí nghiệm... của các đề tài khoa học tự nhiên - công nghệ). Bên cạnh đó, số lượng đề tài khoa học tự nhiên - công nghệ cũng ngày càng tăng, đáp ứng nhu cầu học đi đôi với hành nhằm rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.

Tuy nhiên, theo đánh giá chất lượng và số lượng các đề tài NCKH trong sinh viên ở các trường đại học nói chung và Đại học Đà Lạt nói riêng của Vụ Khoa học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số lượng đề tài tăng nhưng khả năng ứng dụng còn hạn chế; tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH tăng nhưng tính thụ động trong học tập và nghiên cứu vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Nhiều đề tài tốn thời gian, công sức và chi phí của sinh viên nhưng không được (hay không thể) ứng dụng, gây lãng phí.

Nâng cao chất lượng NCKH của sinh viên

Để nâng cao chất lượng NCKH của sinh viên, trường Đại học Đà Lạt đã và đang thực hiện một số biện pháp sau:

Tiếp tục coi hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là một hoạt động quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo

Trong kế hoạch hoạt động hàng năm, nhà trường và khoa luôn nhấn mạnh đến nội dung NCKH của sinh viên và đề ra các chỉ tiêu cụ thể. Lãnh đạo khoa và các giảng viên luôn tích cực



Hội nghị khoa học sinh viên trường Đại học Đà Lạt năm 2015

vận động sinh viên tham gia NCKH. Rõ ràng nếu được cấu trúc tốt, NCKH trong sinh viên không phải là cái gì xa vời mà bắt nguồn từ những việc nhỏ như sinh viên tự tìm đọc tài liệu, các công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học; trao đổi với nhau (và với giảng viên) ở các diễn đàn chính thức và không chính thức; thực hiện các đề án môn học, luận văn tốt nghiệp hay cao hơn là các đề tài nghiên cứu độc lập.

Thực tiễn trong những năm qua tại trường Đại học Đà Lạt cho thấy, hoạt động NCKH đã giúp sinh viên nắm vững và tăng cường các kỹ năng sử dụng thư viện, internet; phương pháp tra cứu, đọc và tổng kết tài liệu; xác định vấn đề, phương pháp nghiên cứu khoa học, làm việc nhóm, trình bày... Mặc dù nhiều đề án môn học, NCKH chưa hoàn thiện về giải pháp nhưng đã thể hiện sự đầu tư của tác giả trong việc tìm tòi, vận dụng các phương pháp NCKH thì cũng có thể xem là đạt mục tiêu giáo dục đề ra. Vì điều quan trọng nhất của bậc học này là việc sinh viên phải độc lập vận dụng và thực hiện hoàn chỉnh một quy trình NCKH, thấy được những trở ngại, khó khăn và xử lý các khó khăn đó. Qua thống kê cho thấy có thể do quá chú trọng vào kết quả nghiên cứu nên nhiều đề tài na ná nhau vì sợ rủi ro trong quá trình thực hiện các đề tài, lĩnh vực mới.

Bên cạnh đó, hàng năm, nhà trường thường xuyên đánh giá hoạt động và phương pháp đào tạo của từng khoa, chương trình đào tạo, môn học nhằm đưa ra những thay đổi phù hợp, ví dụ Cấu tạo chương trình đào tạo có hợp lý để hỗ trợ phát triển kỹ năng và kiến thức nghiên cứu cho sinh viên? Sinh viên có được khuyến khích, dành thời gian và tạo điều kiện tiếp cận các nguồn thông tin nghiên cứu mới nhất không? Chất lượng thư viện, internet, phòng thí nghiệm có đáp ứng nhu cầu phục vụ NCKH cho sinh viên? Trong từng môn học, sinh viên có được hướng dẫn và yêu cầu thực hiện các đề án môn



Tăng cường hỗ trợ sinh viên NCKH

học mang tính nghiên cứu hay không? Quan hệ nghiên cứu giữa giảng viên và sinh viên thế nào? Có nhiều đề tài của giảng viên sử dụng trợ lý là sinh viên hay không?

Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên

Nhà trường duy trì và thực hiện nghiêm túc chuẩn NCKH của giảng viên để ràng buộc phải thường xuyên NCKH. Một khi giảng viên đã tích cực NCKH, tất yếu dẫn đến chất lượng NCKH của sinh viên cũng được nâng cao. Có thể nâng cao chất lượng NCKH của giảng viên bằng việc bổ sung tiêu chuẩn định lượng đối với hoạt động công bố công trình khoa học trên những tạp chí khoa học, chẳng hạn, mỗi giảng viên phải công bố 1 công trình khoa học/năm; mỗi chuyên ngành cần có một nhóm nghiên cứu để giảng viên và sinh viên có thể trao đổi những vấn đề quan tâm, giúp đỡ nhau trong nghiên cứu, kiểm tra và công bố sản phẩm nghiên cứu.

Một phương pháp khác nhằm đẩy mạnh hoạt động giao lưu nghiên cứu giữa các trường và khoa là tổ chức các hội thảo chuyên môn mini hàng tuần, hàng tháng mở rộng cho mọi thành phần (giảng viên, sinh viên, những người quan tâm) với nội dung là báo cáo các hướng nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, dự án, hay trao đổi, bình luận các bài báo khoa học. Chi phí tổ chức các buổi hội thảo này hầu như không đáng kể vì diễn giả cũng chính là người tham dự và đều có nhu cầu chia sẻ thông tin. Quan sát ở một số trường đại học trong và ngoài nước cho thấy, các hội thảo này đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành môi trường nghiên cứu, trao đổi chuyên môn, tạo cơ hội cho sinh viên tích lũy kinh nghiệm và phương pháp nghiên cứu từ những người đi trước, tham gia vào các dự án nghiên cứu do giảng viên thực hiện.

Bên cạnh đó, bản thân mỗi sinh viên cũng cần tích cực, chủ động trong việc lên kế hoạch học tập và nghiên cứu, xác định mục tiêu rõ ràng, tìm hiểu và lựa chọn phương pháp học tập, nghiên cứu hiệu quả, phù hợp với khả năng. Ngoài tiếp thu bài giảng trên lớp, sinh viên cần tăng cường tự học, tự nghiên cứu ở nhà, thư viện để mở rộng và đào sâu tri thức, tăng cường thảo luận, trình bày quan điểm, tranh luận. Hiện nay, NCKH của sinh viên cũng còn nhiều khó khăn như thiếu tài liệu, trang thiết bị nghiên cứu; khả năng ngoại ngữ của sinh viên và năng lực hướng dẫn nghiên cứu của giảng viên còn hạn chế... Tuy nhiên, trở ngại lớn nhất là sinh viên chưa được trang bị tốt phương pháp nghiên cứu, hầu hết đều loay hoay không biết bắt đầu từ đâu, làm gì và muốn đạt kết quả nào, cho ai. Bên cạnh đó, chương trình học hiện nay còn thiếu các môn học về phương pháp nghiên cứu chuyên ngành - một kỹ năng quan trọng của những người lao động tri thức, không chỉ giúp nâng cao khả năng nghiên cứu của sinh viên mà còn hỗ trợ tốt việc tiếp thu các môn học khác.

Phát huy vai trò Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trong công tác nâng cao chất lượng NCKH của sinh viên

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cần tổ chức nhiều cuộc thi, sân chơi trí tuệ nhằm thu hút sinh viên tham gia, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, kiến thức. Bên cạnh đó, việc thành lập và duy trì hiệu quả các câu lạc bộ học thuật dành cho sinh viên, tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm nhằm giới thiệu, trang bị cho sinh viên những phương pháp học tập hiện đại, xây dựng mục tiêu, thái độ học tập, nghiên cứu đúng đắn; kết hợp tổ chức giao lưu giữa sinh viên với các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân..., từ đó thấp sáng ước mơ, hoài bão và cũng là biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng NCKH trong sinh viên.

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các cấp cần có những hoạt động thúc đẩy tuyên truyền, đưa các thông tin về NCKH đến gần hơn với sinh viên, làm cho mỗi sinh viên tự ý thức tầm quan trọng cũng như xác định việc NCKH không phải là một hoạt động xa vời mà rất thiết thực với bản thân sinh viên. Muốn làm tốt công tác này, các cán bộ Đoàn, Hội phải đi sâu, nắm rõ tình hình học tập của hội viên, là cầu nối thật sự giữa sinh viên và nhà trường, các doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu; từ đó góp phần nâng cao chất lượng và tính ứng dụng của các đề tài NCKH trong sinh viên. ■

Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại huyện chủ yếu là các đối tượng nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích... Huyện đã phối hợp với Sở KH&CN xây dựng đăng ký bảo hộ 5 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm đặc sản của địa phương gắn với địa danh là dứa Cayenne, nắm Đơn Dương, bánh tráng Lạc Lâm, rau, hoa...; hướng dẫn các cơ sở đăng ký kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm.

Một số định hướng

Nhằm tiếp tục duy trì, phát triển các tiêu chí nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế, huyện Đơn Dương cần thiết phải tăng cường ứng dụng các thành tựu KH&CN trên các lĩnh vực:

1. Đẩy mạnh tuyên truyền các tiến bộ kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận, cập nhật thông tin và có nhiều cơ hội áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

2. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, đầu tư cơ giới hóa nông nghiệp trong các khâu: làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch để không ngừng nâng cao năng suất, giải phóng sức lao động con

người. Đồng thời nhân rộng việc ứng dụng công nghệ sinh học trong trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn; áp dụng công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch nhằm ổn định đầu ra và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

3. Nghiên cứu chế tạo hoặc cải tiến ứng dụng các thiết bị, công cụ sản xuất phù hợp với nhu cầu của từng vùng và địa phương. Xây dựng các mô hình trình diễn về cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, nhất là các mô hình sản xuất rau, hoa công nghệ cao. Thông qua đó, hướng dẫn nông dân thực hành, đầu tư có hiệu quả vào sản xuất, đồng thời tạo tiền đề cho các cơ sở cơ khí trong và ngoài huyện nghiên cứu, chế tạo các loại máy tương tự, phù hợp, giá thành rẻ.

4. Tăng cường kinh phí triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn.

5. Hàng năm, địa phương tổ chức các cuộc thi, hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp cơ sở và tích cực tham gia các hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh, toàn quốc; kịp thời phát hiện những nhân tố mới, điển hình để vinh danh, hỗ trợ và kết nối các tác giả với cộng đồng. ■

TÁI CƠ CẤU NGÀNH KHOA HỌC...

(Tiếp theo trang 3)

kể cả việc phân bổ vốn đầu tư hạ tầng KH&CN có trọng tâm và hiệu quả hơn. Hướng dẫn thành lập, triển khai hoạt động Quỹ phát triển KH&CN trong doanh nghiệp nhằm đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng và đổi mới công nghệ. Đẩy mạnh hoạt động Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh làm cơ sở thực hiện đổi mới cơ chế đầu tư tài chính cho KH&CN, thực hiện cấp phát và huy động các nguồn vốn cho KH&CN.

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng và khoán chi đối với nhiệm vụ KH&CN; thực hiện cấp phát qua Quỹ. Tăng quyền tự chủ của các tổ chức hoạt động KH&CN; thực hiện giao kinh phí triển khai nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của đơn vị sự nghiệp KH&CN.

- Tham mưu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển, ứng dụng, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng trong điều kiện hội nhập quốc tế; tiếp tục tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia chợ công nghệ thiết bị và kết nối cung cầu công nghệ, thương mại điện tử trong KH&CN. Phát triển mối liên kết giữa viện - trường - doanh nghiệp; khuyến khích thành lập

doanh nghiệp KH&CN; hợp tác chuyển giao và đổi mới công nghệ, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

- Triển khai các nội dung hợp tác về KH&CN giữa tỉnh Lâm Đồng với Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội, Trường Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh... thông qua việc giải quyết đồng bộ hệ thống các vấn đề KH&CN nhằm phát triển một số sản phẩm chủ lực của địa phương. Tăng cường hội nhập quốc tế về KH&CN thông qua các hiệp định được ký kết với sự hỗ trợ của Bộ KH&CN và các cơ quan trung ương. Thực hiện hợp tác và thu hút đầu tư nước ngoài phát triển KH&CN vào địa phương thông qua các nhiệm vụ KH&CN cụ thể và các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung...

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của KH&CN trong quá trình tái cơ cấu gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tăng cường công khai minh bạch thông tin về kết quả nghiên cứu KH&CN; kết quả chuyển giao và ứng dụng các sản phẩm KH&CN vào sản xuất và đời sống xã hội. ■

NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT VẮC XIN VÀ CHẾ PHẨM SINH HỌC BẢO VỆ SỨC KHỎE CON NGƯỜI

TRẦN THỊ NGHĨA

Giám đốc Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt

Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt (DAVAC), tiền thân là Phân viện Vắc xin Đà Lạt, có nguồn gốc là Viện Pasteur Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt, được thành lập năm 1936.

Sau khi miền Nam giải phóng, Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt được Bộ Y tế tiếp quản, điều hành thực hiện công tác dự phòng, chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân khu vực Tây Nguyên. Năm 2008, sau khi chuyển sang loại hình doanh nghiệp, Công ty được Bộ Y tế giao thực hiện nhiệm vụ chính là: sản xuất, kinh doanh các loại vắc xin, huyết thanh và chế phẩm sinh học dùng cho người; thực hiện các dịch vụ y tế trong lĩnh vực tiêm chủng vắc xin, tư vấn khám chữa bệnh; quan hệ với các tổ chức quốc tế, các viện, công ty trong và ngoài nước trên lĩnh vực kinh doanh, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ, phục vụ nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ...

Hiện nay, Công ty đã xây dựng và trang bị hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, đóng gói vắc xin; dây chuyền sản xuất các chế phẩm sinh học đạt tiêu chuẩn GMP; các labo sinh học, hóa học, lý học, huyết thanh, miễn dịch, sinh học phân tử; các thiết bị lên men, siêu lọc, đông khô, tách chiết tinh chế...; bộ phận sản xuất môi trường; khu chăn nuôi động vật thí nghiệm phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kiểm định vắc xin huyết thanh. Với đội ngũ nhân



Sản xuất men tiêu hóa sống Biosubtyl DL



Hoạt động sản xuất tại Viện Pasteur Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt trước 1975

lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, Công ty đã không ngừng nghiên cứu, sản xuất các loại vắc xin và chế phẩm sinh học có chất lượng phục vụ nhu cầu xã hội.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, Công ty đã chủ trì, phối hợp với nhiều viện, trường, tổ chức trong và ngoài nước thực hiện các đề tài các cấp. Nhờ sự tài trợ của Tổ chức UNICEF và WHO, từ những thập niên 80 thế kỷ trước, Công ty đã nghiên cứu và sản xuất thành công các vắc xin Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, BCG, Thương hàn (vắc xin toàn tế bào), Dịch hạch và Tả. Những năm tiếp theo, Công ty đã sản xuất thành công 5 loại huyết thanh chẩn đoán các vi khuẩn Tả *Vibrio cholerae*, Ly *Shigella*, *E.coli*, Thương hàn *Salmonella* và Ho gà *B. pertussis*. Năm 2002, với sự giúp đỡ và chuyển giao công nghệ của Viện Sức khỏe Quốc gia Hoa Kỳ (NIH), Công ty đã sản xuất thành công vắc xin Thương hàn thể hệ mới Vi polysaccharide - một trong hơn 10 loại vắc xin được đưa vào Chương trình Tiêm chủng mở rộng quốc gia từ năm 2003 với trên 3 triệu liều.

Với ưu thế trong lĩnh vực công nghệ vi sinh, Công ty còn nghiên cứu, sản xuất các loại thuốc bột và thực phẩm chức năng có nguồn gốc vi sinh như Biosubtyl DL, Merika, Goldbee, BioQueen, Ase Floris, Calcikua, CalciTomhums, Ase Tadyfe B9, Entero extra, Ase Hepatic,...

Cùng các sản phẩm phục vụ sức khỏe con người, Công ty còn sản xuất một số chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi, thú y, thủy sản như EBS, BF₂, Enzyme Biosub.



Sản phẩm vắc xin

Công ty đã hợp tác với Học viện Quân y nghiên cứu sản xuất vắc xin Dịch hạch, kháng huyết thanh Dịch hạch, vắc xin Trực khuẩn mủ xanh (giai đoạn 2 thử nghiệm thành công trên người tình nguyện); với Viện Vệ sinh Phòng dịch Quân đội nghiên cứu sản xuất vắc xin phòng bệnh Than dạng toàn thể bào (giai đoạn 1 thử nghiệm thành công trên động vật thí nghiệm)...



DAVAC hợp tác với Viện Finlay - Cuba nghiên cứu, sản xuất vắc xin

Công tác hợp tác với đối tác nước ngoài được Công ty quan tâm. Thời gian qua, Công ty hợp tác với Viện nghiên cứu Y học Hải quân Mỹ trong lĩnh vực sinh học phân tử; Trường Đại học Quốc gia Úc nghiên cứu vắc xin Ly; Trung tâm Công nghệ Sinh học và Công nghệ gen CIGB (Cuba) và AMV Group sản xuất thành công giai đoạn 1 trên dây chuyền GMP 2 loại vắc xin Heberbiovac HB II (phòng viêm gan B) và Quimi - Hib (phòng viêm màng não mủ *H. influenzae*) với công suất trên 1 triệu liều/năm; Công ty Miễn dịch Ấn Độ (Indian Immunological Ltd) và AMV Group sản xuất (giai đoạn 1) vắc xin đại tế bào Abhayrab, công suất trên 350.000 liều/năm, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước hiện nay.



Sản phẩm thực phẩm chức năng do Công ty sản xuất

Ngoài các sản phẩm được phân phối và sử dụng trong nước, từ nhiều năm nay, vắc xin Thương hàn Vi polysaccharide do Công ty sản xuất, quảng bá và được nhiều đối tác đặt mua như Pakistan, Bangladesh, Nigeria. Đặc biệt, Nigeria đã cử nhiều đoàn chuyên gia sang thương lượng đánh giá kỹ thuật, chất lượng và hợp đồng mua với số lượng lớn để độc quyền phân phối cho khu vực Tây Phi.

Hiện nay, Công ty đang hợp tác với Viện Finlay - Cuba và Trung tâm Công nghệ Sinh học và Công nghệ gen Cuba (CIGB) thực hiện 2 dự án “Nghiên cứu phát triển sản phẩm vắc xin Thương



DAVAC nhận Giấy chứng nhận Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) từ CECMED - Cuba

hàn Vi cộng hợp và vắc xin Ho gà vô bào”. Trong thời gian tới, việc sản xuất thành công 2 loại vắc xin thể hệ mới này sẽ là bước tiến quan trọng trong làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin tại Việt Nam, góp phần tạo ra các sản phẩm phòng bệnh thể hệ mới có chất lượng và hiệu quả cao.

Với phương châm kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học, đào tạo và sản xuất; phát huy nội lực và hợp tác với các tổ chức, cá nhân các nhà khoa học trong và ngoài nước tạo nguồn ngoại lực phong phú, đa dạng, góp phần làm nên sự thành công của Công ty trước mắt và lâu dài trong lĩnh vực phục vụ chăm sóc sức khỏe con người và nền kinh tế quốc dân. ■

ỨNG DỤNG KỸ THUẬT MỚI GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÁM CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA LÂM ĐỒNG

BS. NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Phó giám đốc Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng

Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng là tuyến đầu của ngành y tế trong tỉnh, luôn xác định trách nhiệm trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đưa những dịch vụ tốt nhất vào khám chữa bệnh, góp phần chăm sóc sức khỏe cho người dân địa phương, giảm thiểu chi phí điều trị, giảm tỷ lệ chuyển viện, nâng cao chất lượng, uy tín của bệnh viện.

Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng (Bệnh viện) đã xác định chiến lược phát triển của mình là “*Triển khai ứng dụng kỹ thuật mới, kỹ thuật cao nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trên cơ sở thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, mô hình bệnh tật và nguồn lực của bệnh viện*”. Trong những năm qua, song song với việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế hiện đại, tập trung đào tạo liên tục, Bệnh viện đã triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân. Chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao cùng với uy tín của Bệnh viện, giảm tỷ lệ chuyển viện, giảm chi phí điều trị và góp phần giảm tải tuyến trên. Trong 5 năm gần đây, tỷ lệ chuyển bệnh lên tuyến trên của Bệnh viện chỉ từ 2% đến 4%, chủ yếu ở các nhóm bệnh về ung thư, can thiệp tim - mạch.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu khám chữa bệnh ngày một tăng cao. Hàng năm, bệnh viện tiếp nhận khám và điều trị ngoại trú cho 300.000 đến 320.000 lượt bệnh nhân (trung bình 1 ngày khoảng 1.000 đến 1.200 bệnh nhân); điều trị nội trú cho 30.000 đến 38.000 lượt bệnh nhân (trung bình từ 570 đến 660 bệnh nhân điều trị nội trú/ngày); công suất giường bệnh luôn vượt từ 111% đến 118%, tuy nhiên Bệnh viện triển khai thực kê giường bệnh vượt 28% so với kế hoạch nên không để xảy ra tình trạng bệnh nhân nằm ghép.

Những ứng dụng kỹ thuật mới tại Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng

Từ sự hỗ trợ của Đề án 1816, Đề án Bệnh viện vệ tinh cùng với sự hợp tác quốc tế, trong những năm qua, Bệnh viện đã tiếp nhận và triển khai nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao, đưa chất lượng khám chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Trang thiết bị của Bệnh viện được đầu tư từ nhiều nguồn:

ngân sách, chương trình mục tiêu quốc gia, xã hội hóa, viện trợ của các tổ chức quốc tế... Đến nay, Bệnh viện đã có các trang thiết bị hiện đại như: MRI, CT-Scanner, siêu âm Doppler tim - mạch, siêu âm 3D-4D, máy ECG, ECG gắng sức, hệ thống máy huyết học - sinh hóa - vi sinh, hệ thống máy nội soi... Năm 2011, Bệnh viện đã triển khai kỹ thuật cộng hưởng từ (MRI) và đã phát huy hiệu quả cao trong công tác khám chữa bệnh, chẩn đoán sớm các bệnh như xuất huyết não, nhồi máu não, dị dạng mạch não, thoát vị đĩa đệm cột sống, các bệnh về khớp, tổn thương cơ và dây chằng... Trong năm 2015, với việc thành lập Đơn vị can thiệp tim - mạch, Bệnh viện đưa vào triển khai kỹ thuật chụp mạch máu bằng máy DSA - đây là phương pháp chụp mạch máu mới trong chẩn đoán bệnh lý tim - mạch máu; từ đó có những chẩn đoán chính xác, kịp thời để điều trị các bệnh lý như nhồi máu cơ tim, dị dạng mạch não... một cách có hiệu quả hơn.

Bệnh viện đã được nhận chuyển giao nhiều kỹ thuật mới từ các bệnh viện tuyến trên như: Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình TP. HCM, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương TP. HCM, Bệnh viện Đại học Y dược TP. HCM, Bệnh viện Nhi Đồng II TP. HCM, Bệnh viện Trung ương Huế... Đồng thời, thông qua các chương trình hợp tác quốc tế với các Hội và Tổ chức phi chính phủ như: Tổ chức MESCH - Úc, Hội phổi Pháp - Việt, Tập đoàn TOHO - Nhật, Bệnh viện đã tiếp nhận các kỹ thuật mới như kỹ thuật gây dính màng phổi, nội soi phế quản có can thiệp, phẫu thuật thoát vị bẹn, phẫu thuật lỗ tiểu thấp, điều trị giảm đau bằng ion điện... Ngoài ra, qua sự hợp tác với Viện Tim mạch Singapore, trong thời gian tới phía Singapore sẽ hỗ trợ kỹ thuật đặt Stent cho các bác sĩ của Bệnh viện; đồng thời đào tạo cho các bác sĩ, điều dưỡng tại Singapore và tại Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng.

Trong 5 năm gần đây, Bệnh viện đã triển khai thành công một số kỹ thuật mới, kỹ thuật cao như: phẫu thuật chấn thương sọ não, u não; cố định xương sọ bằng nẹp titan; kết hợp gậy cổ xương đùi, gậy trên lồi cầu, gậy mâm chày dưới C-Arm; phẫu thuật u não; phẫu thuật u tủy; xoay vạt da có cuống; phẫu thuật nối thông động - tĩnh mạch trong chạy thận nhân tạo; lọc máu liên tục; vi phẫu mạch máu thần kinh; cắt trĩ Longo; vi phẫu mạch máu thần kinh; phẫu thuật chèn ép tuỷ sống; phẫu thuật gãy trật cột sống đa tầng; phẫu thuật thay khớp háng toàn phần; kết hợp xương hàm mặt bằng nẹp vít; phẫu thuật kết hợp xương hàm dưới vùng cổ lồi cầu; cắt amidal bằng Coblator; nội soi vá nhĩ, cắt hạt dây thanh, phẫu thuật vách ngăn; kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp; Mask thanh quản trong gây mê; sử dụng Bugie dẫn đường trong đặt nội khí quản khó và trong tai mũi họng; kỹ thuật bơm Surfactant điều trị bệnh màng trong ở trẻ sơ sinh...

Được sự hỗ trợ từ tuyến trên, Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng cũng đã nhanh chóng tiếp thu và phát triển kỹ thuật nội soi. Số ca phẫu thuật nội soi hàng năm từ 900-1.300 ca, chiếm 12-15% tổng số ca phẫu thuật toàn viện. Ngoài những kỹ thuật như: phẫu thuật nội soi tiêu hóa - gan mật; phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản đoạn lưng; phẫu thuật nội soi khâu vỡ bàng quang..., Bệnh viện cũng thực hiện thành công nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao như: phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn; phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng khớp gối - khớp vai; phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, thai ngoài tử cung... Số ca phẫu thuật giai đoạn 2011-2014 tăng cao so với những năm 2009-2010. Trung bình mỗi ngày có 20,7 ca phẫu thuật trong các năm 2009-2010, tăng lên 24,1 ca trong giai đoạn 2011-2014.

Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên môn

Dù đã thực hiện được rất nhiều kỹ thuật cao, hiện đại trong khám, điều trị, cấp cứu bệnh nhân song nhận thấy đào tạo nguồn nhân lực là giải



Hệ thống DSA

pháp chính và lâu dài nên hàng năm, Bệnh viện đều cử cán bộ đi đào tạo, tập huấn, tham dự hội nghị, hội thảo để nâng cao và cập nhật kiến thức chuyên môn. Thông qua Đề án 1816, Đề án Bệnh viện vệ tinh, các bệnh viện tuyến trên cũng đã đào tạo, chuyển giao theo các gói kỹ thuật cho các bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên của Bệnh viện.

Trong 5 năm qua, Bệnh viện cử 30 lượt bác sĩ đào tạo chuyên khoa II, cao học, chuyên khoa I, chuyên khoa định hướng; 142 lượt bác sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên đào tạo ngắn hạn; 1.113 lượt bác sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên tham dự hội nghị, hội thảo khoa học, trong đó, có 23 lượt cán bộ được cử đi học, bồi dưỡng, hội nghị tại các nước như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Malaysia, Hồng Kông, Thái Lan...

*

Khoa học kỹ thuật đang phát triển mạnh mẽ và tạo nên những chuyển biến sâu sắc tới mọi mặt đời sống xã hội. Trong đó, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong y học góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả khám - chữa bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Có thể thấy, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại trong y học đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh; đưa dịch vụ y tế có chất lượng cao đến gần hơn với người dân trong tỉnh.

Trong năm 2016 và những năm tiếp theo, Bệnh viện tiếp tục triển khai các kỹ thuật mới trong các lĩnh vực: chấn thương chỉnh hình, phẫu thuật thần kinh, can thiệp tim - mạch, phẫu thuật nội soi, hồi sức tích cực, hồi sức sơ sinh, sàng lọc tiền sản, điều trị vô sinh, điều trị ung thư, chẩn đoán hình ảnh... để góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tốt hơn. ■



Máy MRI

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO TIỀN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

LÊ THÀNH TRUNG

Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Lâm Đồng

Tiếp tục đẩy nhanh việc ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất nông nghiệp, trong năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016, Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án KH&CN; sản xuất và cung ứng dịch vụ KH&CN, góp phần chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Triển khai các đề tài, dự án KH&CN

Chủ trì thực hiện đề tài liên tỉnh “Nghiên cứu giám định di truyền và đánh giá khả năng phát triển của bò lai F1 giữa bò tót (*Bos gaurus*) và bò nhà (*Bos taurus*) tại vùng rừng giáp ranh tỉnh Ninh Thuận và Lâm Đồng” trên cơ sở hợp tác giữa Sở KH&CN Lâm Đồng và Sở KH&CN Ninh Thuận từ năm 2013 với 5 bò cái nền (3 bò Brahman và 2 bò F1 Brahman lai Red Angus), 10 bò nghỉ lai bò tót F1 của các hộ dân. Đề tài được nghiệm thu chính thức vào tháng 5/2016, làm cơ sở tiếp tục triển khai đề tài cấp nhà nước “Khai thác và phát triển nguồn gen bò quý hiếm tại vùng rừng giáp ranh 3 tỉnh Ninh Thuận - Lâm Đồng - Khánh Hòa” giai đoạn 2015-2018 trên địa bàn Vườn Quốc gia Phước Bình, tỉnh Ninh Thuận từ nguồn ngân sách hỗ trợ của Bộ KH&CN và đối ứng của 3 tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận và Khánh Hòa.

Trong lĩnh vực nông thôn miền núi, thực hiện 2 dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao nuôi trồng nấm Linh chi đỏ trên hỗn hợp giá thể gỗ Qué và nấm Hương tại huyện nông thôn mới Đơn Dương và huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng”, “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật để nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số xã Gia Bắc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng”. Thông qua các dự án đã chuyển giao quy trình kỹ thuật, mô hình nhà lưới, nhà kính theo hướng công nghệ cao, cung cấp cây, con giống cho các hộ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc... nhằm triển khai các mô hình nuôi heo địa phương, kỹ thuật trồng mới cây cà phê, tiêu, nấm, kỹ thuật ghép và chăm sóc chồi cà phê sau ghép... Các dự án đã góp phần xóa đói, giảm nghèo và nâng cao đời sống cho các hộ dân trong khu vực triển khai.

Trong lĩnh vực công nghệ sinh học, đề tài “Nghiên cứu nuôi cấy nấm Đông trùng hạ thảo tại Lâm Đồng” đã được hội đồng KH&CN nghiệm thu năm 2016. Hiện sản phẩm của đề tài đang được Trung tâm tiếp tục nghiên cứu và sản xuất để cung ứng cho thị trường.

Trong lĩnh vực cơ khí, chế tạo máy, đề tài “Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống thu gom tảo hiệu quả cao ở hồ Xuân Hương” đã thiết kế, chế tạo và hoàn thiện hệ thống thu gom tảo, thử nghiệm vận hành thành công trên hồ Xuân Hương.

Thực hiện 4 đề tài, dự án cấp cơ sở do Sở KH&CN quản lý gồm 3 dự án về lĩnh vực nông nghiệp theo hướng công nghệ cao: “Xây dựng mô hình canh tác theo hướng nông nghiệp công nghệ cao tại Trạm thực nghiệm Đơn Dương”; “Xây dựng mô hình trồng Đẳng sâm thương phẩm theo mô hình nông nghiệp công nghệ cao tại xã Đạ Chais, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng” và “Xây dựng mô hình trồng xen cây Hoa hòe (*Sophora japonica*) trong vườn cà phê trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”; 1 dự án về lĩnh vực tiết kiệm năng lượng “Hoàn thiện công nghệ nhằm tiết kiệm năng lượng trong đời sống tại các hộ dân vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”.

Hoạt động chuyển giao và dịch vụ KH&CN

Bên cạnh việc chủ trì thực hiện các đề tài, dự án, Trung tâm còn đẩy mạnh hoạt động chuyển giao và các dịch vụ KH&CN với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài tỉnh như:

- Phối hợp với Chi cục Bảo vệ Thực vật Lâm Đồng triển khai đề tài “Nghiên cứu các giải pháp phòng trừ tổng hợp bệnh thối rễ, vàng lá cà phê ở Lâm Đồng”, qua đó đã tách, phân lập chủng nấm ký sinh tuyến trùng; nghiên cứu quy trình sản xuất và thử nghiệm chế phẩm sinh học phòng trừ tuyến trùng hại cà phê trên đồng ruộng.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu công nghệ sinh học và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt khảo nghiệm giống cỏ Alfalfa và Xáo tam phân tại Trạm thực nghiệm Đơn Dương.

- Hợp tác với Viện Công nghệ Sinh học khảo nghiệm nhân giống *in-vitro* và *ex-vitro* hoa Cúc, Đồng tiền, lan Gấm bằng công nghệ đèn LED.

- Phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện chuyển giao kỹ thuật, triển khai 15 dự án thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, ứng dụng năng lượng mặt trời:

+ Tại huyện Lâm Hà, phối hợp triển khai các dự án “*Nhân rộng mô hình trồng dâu, nuôi tằm tại xã Mê Linh, Nam Hà và thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà*” nhằm hỗ trợ giống dâu S7-CB, VA-201 và kỹ thuật canh tác cho các hộ trồng dâu, nuôi tằm; “*Nhân rộng mô hình trồng khoai môn sấp vàng thương phẩm trên địa bàn huyện Lâm Hà*” nhằm hỗ trợ 13 hộ dân trồng thí điểm 3,7 ha mô hình trình diễn khoai môn sấp vàng thương phẩm tại xã Đạ Đờn, thị trấn Đình Văn và các dự án khác như “*Xây dựng mô hình trồng hoa theo hướng nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Lâm Hà*”; “*Ứng dụng công nghệ vi sinh để chế biến cỏ và phế phụ phẩm nông nghiệp nhằm cung cấp thức ăn cho chăn nuôi bò trên địa bàn huyện Lâm Hà*”. Tại huyện Cát Tiên, Đạ Tẻh, Trung tâm đã phối hợp triển khai 2 dự án về nghiên cứu, phát triển, sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu; tại huyện Di Linh là dự án “*Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong nhân giống và sản xuất thương phẩm cây hoa Cúc, Phúc bồn tử, Atiso bằng nuôi cấy mô tại địa bàn huyện Di Linh*”.

+ Trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng và năng lượng mới, Trung tâm đang triển khai 3 dự án ứng dụng năng lượng mặt trời phục vụ chiếu sáng sinh hoạt, công cộng và cảnh báo giao thông tại huyện Đức Trọng và Lâm Hà. Các dự án đã triển khai thí điểm 50 bộ thiết bị đèn chiếu sáng sinh hoạt bằng năng lượng mặt trời cho 50 hộ gia đình tại huyện Lâm Hà chưa có điện lưới; 30 điểm cảnh báo giao thông và chiếu sáng công cộng bằng năng lượng mặt trời tại các trục

đường nguy hiểm trên địa bàn huyện Đức Trọng và Lâm Hà; 1 dự án ứng dụng năng lượng mặt trời phục vụ hệ thống bơm tưới cho mô hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Đức Trọng.

+ Trong lĩnh vực môi trường, triển khai 4 dự án với 2 mô hình chuyển giao công nghệ và triển khai lắp đặt hệ thống lọc nước uống tinh khiết cho Trường Tiểu học Liêng Srôngh, huyện Đam Rông và Nhà khách UBND tỉnh Lâm Đồng; 2 mô hình lọc nước tinh khiết tại Trung tâm Y tế huyện Đức Trọng và phòng khám Đa khoa xã Đà Loan; 30 mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm viên nén nhiên liệu và nguyên liệu dùng trong bếp đun tiết kiệm năng lượng tại huyện Đức Trọng.

Ngoài ra, với hệ thống thiết bị và phòng thí nghiệm được nhà nước đầu tư từ năm 2004, Trung tâm còn nghiên cứu, sưu tập và lưu giữ các giống rau, hoa, cây ăn quả, các giống nấm ăn, nấm dược liệu, chủng vi sinh... có giá trị kinh tế; tổ chức sản xuất, cung ứng cây giống sạch bệnh, giống nấm ăn, nấm dược liệu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Với sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức KH&CN trên địa bàn, sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, ngành cùng sự nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức Trung tâm, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tại đơn vị đang dần hoàn thiện, định hướng ngày càng rõ nét, đa dạng và phong phú về lĩnh vực, quy mô hoạt động.

Phát huy những kết quả đạt được, trong thời gian tới, Trung tâm Ứng dụng KH&CN sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động đã định hình, mở rộng các lĩnh vực dịch vụ KH&CN, tiến tới xây dựng thành đơn vị tự chủ theo tinh thần Nghị định 115/2005/NĐ-CP, góp phần đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. ■

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài của các tác giả: Võ Khiêm, Cao Thế Trình, Nguyễn Khắc Hoàng, Lại Tiến Dũng, Đàm Minh Tuấn, Nguyễn Văn Thanh, Lê Thành Trung, Đoàn Bích Ngọc, Bùi Trần Thảo Ly, Lê Thị Bé, Đặng Hữu Huy, Lương Văn Dũng, ...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp sử dụng vào thời gian thích hợp nhất.

Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 4/2016 tập trung vào chủ đề: *Nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Lâm Đồng*.

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các bạn.

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt - Điện thoại: 363.3545479-063.3833163

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

HỘI THI "SÁNG TẠO KỸ THUẬT NHÀ NÔNG" - SÂN CHƠI CỦA NHỮNG "KỸ SƯ CHÂN ĐẤT"

THẢO LY

Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, tỉnh Lâm Đồng có nhiều tiềm năng phát triển ngành trồng và chế biến nông - lâm sản, đặc biệt là các loại cây trồng theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Từ lợi thế này, trong quá trình thực tế sản xuất của nhiều nông dân, đã nảy sinh ra những sáng kiến hữu ích cho hoạt động sản xuất hàng ngày. Để khơi dậy tiềm năng, phát huy tư duy sáng tạo của cán bộ, hội viên nông dân, tích cực nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng tổ chức hội thi "Sáng tạo kỹ thuật nhà nông" định kỳ 2 năm/lần.

Bằng nhiều hình thức phong phú, lồng ghép với các buổi sinh hoạt công tác Hội, Hội Nông dân các cấp đã đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên nông dân chủ động tham gia hội thi. Dựa trên các tiêu chí về tính mới, tính sáng tạo, hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng áp dụng, các giải pháp dự thi được đăng ký theo từng lĩnh vực như trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; công nghệ sinh học; tài nguyên môi trường; chế biến vật tư, nông sản; cơ khí phục vụ nông nghiệp, ngành nghề nông thôn,...

Từ năm 2010 đến nay, Hội Nông dân tỉnh đã phát động và tổ chức thành công 3 hội thi "Sáng tạo kỹ thuật nhà nông" với hơn 20 tác giả tham gia, 11 giải pháp được công nhận và đạt giải. Điển hình là các giải pháp: máy đóng đất vô chậu, rau sạch đô thị và thiết bị đóng bầu đất vào túi ni-lon - tác giả Nguyễn Hồng Chương; máy xay chế phẩm hữu cơ nông nghiệp và lò sấy cà phê hai mặt - tác giả Vũ Đình Phúc (năm 2010); máy cấp tời vận chuyển - tác giả Nguyễn Hữu; nhà máy sấy cà phê cải tiến - tác giả Vũ Văn Pháp (năm 2013); máy nén khí sinh học NK700 - tác giả Đặng Văn Bảy; máy chà dập cà phê quả tươi - tác giả Nguyễn Văn Ni (năm 2015).

Các giải pháp dự thi đều xuất phát ý tưởng từ thực tế và những trăn trở của nông dân trong quá trình sản xuất; được mày mò, nghiên cứu trở thành những công cụ hỗ trợ đắc lực, đã và đang được áp dụng hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. Hội thi đã trở thành sân chơi bổ ích, trí tuệ, tạo điều kiện để các nhà khoa học nghiệp dư, những "kỹ sư chân đất" thể hiện năng lực, khả năng sáng tạo trong lao động sản xuất.



Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tham quan mô hình sử dụng máy móc hiện đại trong sản xuất nông nghiệp của nông dân Đơn Dương

Nhiều giải pháp, sáng kiến đã được kiểm nghiệm đánh giá, tạo thành tiến bộ kỹ thuật mới, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch sản xuất nông nghiệp, giảm chi phí và sức lao động, tăng giá trị và khả năng cạnh tranh cho hàng hóa nông sản.

Hội thi đã thực sự khơi dậy tiềm năng, phát huy tư duy sáng tạo của người nông dân, thúc đẩy phong trào áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Để đạt được thành công này, bên cạnh sự hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Hội Nông dân các cấp đã thường xuyên chú trọng công tác chỉ đạo, tuyên truyền, vận động đồng đảo cán bộ, hội viên nông dân trong tỉnh tham gia.

Trong thời gian tới, để hội thi "Sáng tạo kỹ thuật nhà nông" trở thành một phong trào lao động sáng tạo, thu hút sự tham gia hưởng ứng của mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, cần có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các tác giả tham gia hội thi đạt kết quả cao; đồng thời có cơ chế, chính sách hỗ trợ đưa các giải pháp đạt giải có khả năng giải quyết những vấn đề cấp thiết trên địa bàn tỉnh vào ứng dụng rộng rãi. Cần thay đổi nhận thức để hội thi "Sáng tạo kỹ thuật nhà nông" không chỉ là sân chơi đơn thuần của những "kỹ sư chân đất" mà còn là một phong trào lao động sáng tạo và đổi mới trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, đóng vai trò quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của tỉnh. ■

TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Các hoạt động chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Với chủ đề “Khoa học và công nghệ - Chia khóa của thành công”, ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2016 tiếp tục được tổ chức với nhiều hoạt động thiết thực nhằm biểu dương, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ (KH&CN); tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các thành tựu KH&CN đối với sự phát triển đất nước, nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của KH&CN; động viên thế hệ trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên say mê nghiên cứu khoa học, góp phần hình thành đội ngũ cán bộ khoa học trong tương lai.

Trong thời gian từ ngày 25/4 - 31/5/2016, nhiều hoạt động chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam diễn ra trên cả nước.

Tại Lâm Đồng, Sở KH&CN đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày KH&CN - 18/5 với một số nội dung cụ thể như:

Phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật của tỉnh tổ chức gặp mặt giữa các nhà KH&CN với lãnh đạo tỉnh để biểu dương những cá nhân, tổ chức có nhiều đóng góp trong lĩnh vực KH&CN trong năm qua, đồng thời cũng là diễn đàn trao đổi để qua đó các nhà KH&CN bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, đề xuất các kiến nghị, giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN trong sản xuất và đời sống tại địa phương.

Sở cũng đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông KH&CN (Bộ KH&CN) tổ chức Hội thảo tập huấn thông tin, tuyên truyền phát triển Điện hạt nhân.

Phối hợp với các tổ chức hoạt động KH&CN tại Lâm Đồng như Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên, Viện Nghiên cứu hạt nhân, Công ty TNHH Một thành viên Vắc xin Pasteur Đà Lạt... tổ chức mở cửa trưng bày, giới thiệu các thành tựu KH&CN, phục vụ tham quan, tìm hiểu của người dân địa phương và du khách.

Sở KH&CN cũng đã tăng cường thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương về các quan điểm, định hướng phát triển KH&CN của Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X, những vấn đề đổi mới cơ chế hoạt động KH&CN và tái cơ cấu ngành KH&CN giai đoạn 2016-2020; giới thiệu về các giải thưởng KH&CN tỉnh lần thứ nhất vừa qua, ý kiến của các nhà khoa học đầu ngành của tỉnh về các thành tựu KH&CN nổi bật của địa phương.

Giới thiệu một số nhà sáng chế là quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh và gương áp dụng KH&CN vào sản xuất tại địa phương.

Ngoài ra, Sở còn tổ chức một số hoạt động mang tính nội bộ như tọa đàm về “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về KH&CN*” trong toàn thể công chức, viên chức của Sở; giao lưu bóng đá giữa các đơn vị, cơ quan nghiên cứu, hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Nghiệm thu đề tài

Hội đồng KH&CN cấp tỉnh vừa nghiệm thu đề tài “*Nghiên cứu giám định di truyền và đánh giá khả năng phát triển của bò lai F1 giữa bò tót (Bos gaurus) và bò nhà (Bos taurus) tại vùng giáp ranh tỉnh Ninh Thuận và Lâm Đồng*” do Trung tâm Ứng dụng KH&CN Lâm Đồng chủ trì thực hiện.

Đề tài được triển khai từ năm 2013, với 5 bò cái nền (3 bò Brahman và 2 bò F1 Brahman lai Red Angus), 10 bò nghỉ lai bò tót F1 của các hộ dân (5 bò đực và 5 bò cái). Kết quả nghiên cứu cho thấy, tất cả bò nghỉ lai đều có bộ nhiễm sắc thể giống bò F1 lai giữa bò tót đực và bò cái nhà. Trong đó, có 1 trường hợp con lai thế hệ thứ 2 (F2) đầu tiên tính cả quần đàn do bò cái F1 lai lui với bò đực nhà và đã được xác định chính xác bộ nhiễm sắc thể cân bằng. Điều này đặc biệt có giá trị khoa học và thực tiễn. Trong năm 2015, nhóm nghiên cứu đã sử dụng bò đực F1 phối giống trực tiếp với bò cái F1 nhằm tạo ra đàn bê lai F2 có 50% máu bò tót, hiện chưa có kết quả. Đề tài đã được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu.

Trong thời gian tới, đề tài sẽ mở rộng triển khai cấp nhà nước với sự tham gia của 3 tỉnh Lâm Đồng - Ninh Thuận - Khánh Hòa, tập trung nghiên cứu thực hiện cho bò đực F1 lai bò tót phối giống trực tiếp với các bò cái Barahman, lai Red Angus; đánh giá các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của thế hệ bò có 25% máu bò tót được sinh ra từ các bò F1 để làm giống, cho sinh sản với bò nhà nhằm tạo ra giống bò hướng thịt của Việt Nam có khoảng 12,5% máu bò tót. Trên cơ sở đó xây dựng thương hiệu bò đặc sắc cho vùng Lâm Đồng - Ninh Thuận - Khánh Hòa.

Kiểm tra tiến độ đề tài

Trong tháng 5/2016, Sở KH&CN đã thành lập đoàn kiểm tra tiến độ, kiểm tra thực tế 4 đề tài, dự án thuộc kế hoạch năm 2014-2015. Các đề tài, dự án triển khai đảm bảo đúng tiến độ theo thuyết minh đề cương được phê duyệt; một số vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai đã được đoàn kiểm tra cho ý kiến và hướng dẫn cụ thể. Cụ thể là:

+ Đề tài “Lai tạo giống bò thịt cao sản thích hợp với điều kiện chăn nuôi tại tỉnh Lâm Đồng” đã tiến hành nuôi bò lai cao sản theo 2 công thức thức ăn khác nhau, kết quả cho thấy khối lượng các nhóm bò lai Drought Master và Red Angus cao hơn bò lai Brahman và thấp nhất là nhóm bò lai Sind. Thí nghiệm nuôi vỗ béo bò đang được tiến hành với 4 công thức theo 4 giống lai, sử dụng 12 bò lai của 4 giống (Brahman, Drought Master, Red Angus và lai Sind), mỗi giống nuôi 3 con, bò có độ tuổi từ 18-20 tháng tuổi.

+ Đề tài “Nghiên cứu tuyển chọn một số giống cà phê chè (*Coffea Arabica* L.) đạt năng suất, chất lượng cao tại Lâm Đồng” đã điều tra, khảo sát và đánh giá hiện trạng, cơ cấu giống cà phê chè tại các vùng trồng chính của tỉnh; tình hình phát triển và các biện pháp canh tác cà phê chè theo hướng bền vững. Đề tài tiếp tục chăm sóc, theo dõi 3 vườn mô hình kế thừa trồng các giống cà phê chè mới tại huyện Lâm Hà, Đơn Dương và thành phố Đà Lạt; xây dựng 3 mô hình trồng mới tại huyện Lạc Dương và Đức Trọng; chuẩn bị 15.500 cây giống cung cấp cho mô hình trồng mới tại huyện Đam Rông.

+ Đề tài “Chọn lọc, di thực, bình tuyển và thử nghiệm trồng một số giống bơ có năng suất cao, chất lượng tốt tại Lâm Đồng” đã bình tuyển 6 cây bơ giống tốt và được Sở NN&PTNT Lâm Đồng công nhận làm cây đầu dòng; di thực 2 giống bơ với số lượng 280 cây tại 4 mô hình khảo nghiệm. Mô hình vườn nhân chồi đã cho khai thác 10.000 chồi ghép trong vụ gieo ươm năm 2015-2016. Hiện nay, các dòng bơ di thực và bình tuyển trồng tại các mô hình đang sinh trưởng, phát triển ổn định, trong đó mô hình tại huyện Bảo Lâm và Di Linh cho thấy sức sinh trưởng vượt trội so với mô hình tại huyện Đức Trọng và Đam Rông.

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng đạt giải Vàng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia

Ngày 08/5/2016, tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Bộ KH&CN tổ chức Lễ trao Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á Thái Bình Dương năm 2015 và Lễ Tôn vinh 20 năm Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng đã xuất sắc được trao giải Vàng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2015 đối với doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ vì những thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, có nhiều đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng là doanh nghiệp thứ 2 của tỉnh nhận giải Vàng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (Công ty Cổ phần Bình Điền đạt giải Vàng năm 2013).

Thông qua Dự án nâng cao Năng suất và Chất

lượng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020, Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng đã được Sở KH&CN hỗ trợ kinh phí 25 triệu đồng (giải Vàng).

Sử dụng tên địa danh để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận

UBND tỉnh vừa có công văn chấp nhận cho UBND thành phố Đà Lạt sử dụng tên địa danh “Đà Lạt”, “Cầu Đất Đà Lạt” để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Dâu tây Đà Lạt”, “Cà phê Cầu Đất Đà Lạt” và huyện Đạ Tẻh sử dụng tên địa danh “Đạ Tẻh” để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Gạo nếp quýt Đạ Tẻh”.

Theo đó, UBND thành phố Đà Lạt và huyện Đạ Tẻh có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, trình cấp có thẩm quyền công nhận; quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo quy định.

Sở KH&CN hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc đăng ký quyền sở hữu, quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo quy định

Triển khai xây dựng nhãn hiệu chứng nhận “Gạo nếp Quýt Đạ Tẻh”, UBND huyện Đạ Tẻh đã phối hợp với Sở KH&CN tổ chức hội thảo nhằm lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân về quy chế quản lý, bản tiêu chí chất lượng, biểu trưng, bản đồ của nhãn hiệu chứng nhận để trình Sở Tư pháp thẩm định và UBND tỉnh ban hành trong thời gian tới.

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Cà phê Cầu Đất Đà Lạt”

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Cà phê Cầu Đất Đà Lạt” nhằm tập hợp các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xây dựng, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Cà phê Cầu Đất Đà Lạt” thành nhãn hiệu có uy tín.

Đây là nhãn hiệu được đăng ký độc quyền trong nước. Theo đó, tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận sử dụng nhãn hiệu chứng nhận này cần đáp ứng các điều kiện: có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm cà phê chè trên địa bàn thành phố và trong phạm vi vùng chứng nhận theo bản đồ; đảm bảo quy định về chất lượng theo Bản tiêu chí chất lượng sản phẩm cà phê chè mang nhãn hiệu chứng nhận; tuân thủ các quy định trong quá trình sản xuất đến lưu thông; cam kết tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ các nội dung trong Giấy chứng nhận trong quá trình sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

UBND thành phố Đà Lạt là cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Cà phê Cầu Đất Đà Lạt”. Giấy chứng nhận sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Cà phê Cầu Đất Đà Lạt” có thời hạn 3 năm. ■

DANH SÁCH CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC NGHIỆM THU VÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC CHUYỂN GIAO, SỬ DỤNG

(Theo Quyết định số 8485/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên đề tài, dự án	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Kết quả đánh giá	Cơ quan chuyển giao, áp dụng
1	Nghiên cứu nuôi cấy nấm Đông trùng hạ thảo tại Lâm Đồng	Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng	Đạt	- Sở Y tế; - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; - Công ty TNHH Đông trùng hạ thảo Châu Á (Chi nhánh Lâm Đồng); - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng.
2	Nghiên cứu giải pháp công nghệ rút ngắn thời gian sấy và tiết kiệm năng lượng trong sấy gỗ	Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2	Đạt	- Sở Công Thương; - Công ty Cổ phần Cơ khí Lâm Đồng; - Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh; - Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2.
3	Xây dựng bản đồ ngập lụt và hệ thống tháp cảnh báo lũ huyện Đạ Tẻh, Đạ Huoai, kết nối bản đồ ngập lụt và cấp báo động lũ trên sông Đồng Nai tại 3 huyện phía Nam tỉnh Lâm Đồng	Đài Dự báo Khí tượng Thủy văn Lâm Đồng	Đạt	- UBND huyện Đạ Huoai; - UBND huyện Đạ Tẻh; - UBND huyện Cát Tiên; - Sở Tài nguyên và Môi trường; - Chi cục Thủy lợi; - Đài Dự báo Khí tượng Thủy văn Lâm Đồng.
4	Đánh giá tình hình, xây dựng phần mềm dự báo và đề xuất giải pháp giảm thiểu thiệt hại do hạn hán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đài Dự báo Khí tượng thủy văn Lâm Đồng	Đạt	- Sở Tài nguyên và Môi trường; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Chi cục Thủy lợi; - Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; - Đài Dự báo Khí tượng thủy văn Lâm Đồng.
5	Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nấm dược liệu quý và nấm ăn cao cấp theo hướng quy mô công nghiệp tại xã Đạm Bri, Bảo Lộc	Công ty TNHH Sản xuất nấm Thuận Thái	Khá	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Trung tâm Khuyến nông; - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng; - Công ty TNHH Sản xuất nấm Thuận Thái.
6	Xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng một số nông sản tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng	UBND huyện Đơn Dương	Khá	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Trung tâm Khuyến nông; - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng; - UBND huyện Đơn Dương.
7	Đo lường chất lượng dịch vụ y tế các bệnh viện tuyến tỉnh của Lâm Đồng để nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân	Trường Đại học Đà Lạt	Đạt	- Sở Y tế; - Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng; - Bệnh viện Đa khoa II Lâm Đồng; - Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch; - Trường Đại học Đà Lạt.
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2010-2020	Văn phòng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới Lâm Đồng	Đạt	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Thông tin và Truyền thông; - Trung tâm Khuyến nông; - Văn phòng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới Lâm Đồng.

GẶP GỠ CÁC NHÀ SÁNG CHẾ MÁY NÔNG NGHIỆP

VĂN VIỆT, BÙI TRƯỜNG

Nông dân lớp 8 với những chiếc máy hữu ích

Xuất thân là một nhà nông với trình độ lớp 8, anh Nguyễn Hồng Chương (sinh năm 1975), thôn Lạc Thạnh, xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương đã sáng chế và sản xuất rất nhiều loại máy móc hữu ích phục vụ nông nghiệp. Đầu năm 2007, anh Chương đã gom góp 7 triệu đồng mua sắt, thép... mày mò nghiên cứu, chế tạo thành công từ chiếc máy gieo hạt đến máy đóng đất vô vi xốp. Sau hàng chục chiếc máy được tiêu thụ tại thị trường Lâm Đồng, anh nhận được hàng trăm đơn đặt hàng từ nông dân các tỉnh miền Trung và miền Bắc.

Các sản phẩm không chỉ cung cấp cho thị trường nội địa mà còn xuất đi nước ngoài khi vào tháng 4/2010, 2 chiếc máy gieo hạt dùng thử nghiệm đạt kết quả tốt, đoàn doanh nhân Malaysia đã hợp đồng với anh Chương sản xuất 5 chiếc máy gieo hạt (trị giá 3.800 USD/máy) và 5 chiếc máy đóng đất vô vi xốp (trị giá 1.900 USD/máy) trong thời gian 2 tháng. Từ đó đến nay, anh Chương xuất khẩu sang thị trường Malaysia từ 50-60 chiếc máy các loại mỗi năm.

Với diện tích nhà xưởng hơn 1.000 m², tính riêng trong 3 năm qua, Cơ sở Ứng dụng máy nông nghiệp Nguyễn Hồng Chương đã cung cấp cho thị trường khoảng 500-600 chiếc máy sáng chế mỗi năm. Đến nay, anh đã bắt tay nghiên cứu và lần lượt cho ra đời 15 loại máy nông nghiệp khác nhau, trong đó 3 loại máy sáng chế thành công mới nhất là máy rửa, đánh bóng và phân loại củ, quả (110 triệu đồng/máy); máy đóng bầu đất vào túi ni-lon (8,5 triệu đồng/máy) và giàn trồng rau sạch công nghệ cao ở đô thị (1,6 triệu đồng/giàn). Hiện anh Chương đang tiếp tục hoàn chỉnh 2 chiếc máy sáng chế để kịp “trình làng” vào đầu năm 2017 là máy trồng rau và máy làm sạch hành lá.

Nhờ những sáng tạo không ngừng của mình, anh Chương được Trung ương Đoàn Thanh niên trao giải thưởng Lương Định Của; đạt nhiều giải thưởng tại Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật nhà nông tỉnh Lâm Đồng; được Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao



Máy rửa, phân loại, hong khô nước và đánh bóng trái cà chua do anh Nguyễn Hồng Chương sáng chế

chứng nhận “Điển hình sáng tạo Việt Nam” và bằng khen “Sáng tạo kỹ thuật nhà nông” của Thủ tướng Chính phủ.

Nhà nông với chiếc máy thu hoạch khoai tây

Cũng với trình độ lớp 8, anh Phan Minh Thành (sinh năm 1974), Nguyễn Siêu, thành phố Đà Lạt đã chế tạo hàng trăm giàn máy thu hoạch khoai tây, thay thế cho 60-70 công lao động chân tay mỗi ngày để cung ứng cho nông dân địa phương và nhiều tỉnh, thành trong cả nước. Sáng chế đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp Chứng nhận bảo hộ độc quyền với nhãn hiệu “Minh Thành Tài”.

Với chi phí đầu tư 70 triệu đồng gồm giàn máy đào (20 triệu đồng) và máy cày (50 triệu đồng), đã tiết kiệm thời gian và từ 1,2-1,4 triệu đồng so với thuê khoán 6-7 công lao động đào thủ công (200.000 đồng/ngày công) trên diện tích 1.000 m², tương đương tiết kiệm khoảng 12-14 triệu đồng/ha mỗi vụ mùa khoai tây.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của giàn máy, anh Thành hiện đang nghiên cứu cải tiến theo hướng gọn nhẹ, từ đó giảm giá thành sản phẩm.

Thành lập “công ty sáng chế” cơ giới cho nông dân

Anh Lê Thanh Trị (sinh năm 1957) từ Bến Tre lên Lâm Đồng thành lập Công ty TNHH Cơ khí

nông nghiệp Thanh Trì tại thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng. Hiện nay, Công ty đang cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu 25 dòng sản phẩm máy công - nông nghiệp công nghệ cao.

Từ năm 2015 đến nay, Công ty tiếp tục chế tạo thành công nhiều dòng sản phẩm máy móc ứng dụng trong sản xuất và chăn nuôi. Máy ép cám viên làm thức ăn cho gia súc, gia cầm do Công ty sản xuất đạt công suất khoảng 1 tấn cám viên/giờ; đạt chất lượng tốt hơn một số sản phẩm nhập khẩu từ các nước trong khu vực nhờ hạn chế tối đa lực ma sát sinh nhiệt, không làm mất lượng khoáng chất, kết hợp hiệu quả trong việc ứng dụng ủ men vi sinh, tiết kiệm 50% điện năng và tăng năng suất gấp 2 lần. Người chăn nuôi có thể sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ gồm mì lát, cám bắp, bột đậu nành, tấm... đưa vào máy ép cám viên thành phẩm, tiết kiệm 20-25% chi phí thức ăn chăn nuôi hàng năm.

Chiếc máy gieo hạt ngô bầu mùa đông được sản xuất theo yêu cầu của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Đây là máy tự động hút chân không gieo hạt trực tiếp trên khay ươm (công suất đạt 300 khay/giờ - 80 ô hạt/khay), rút ngắn thời gian chăm sóc ngoài đồng từ 10-15 ngày, thay thế khoảng 20 công lao động gieo hạt bằng tay, tăng năng suất thu hoạch từ 25-30%. Trong dịp triển diễn máy gieo hạt ngô bầu mùa đông tại tỉnh Hà Nam đầu năm 2015, nhà sáng chế Lê Thanh Trì còn vận hành thử nghiệm máy liên hợp "4 trong 1" (gồm máy xay giá thể, máy trộn giá thể, máy vò bầu đất và máy gieo hạt) và máy chuyên dụng trồng cây ngô giống trực tiếp từ bầu đất ra đồng.

Gần đây, ông Trì đã vận hành thử nghiệm thành công hệ thống dây chuyền tách vỏ mắc ca để sấy khô hạt nhân, đạt công suất 300 kg/giờ, giúp tiết kiệm công lao động trong khâu thu hoạch, sơ chế sản phẩm hạt nhân mắc ca trước khi phân phối trên thị trường. Ngoài ra, ông Trì còn đưa ra thị trường nhiều loại máy sáng chế mới như máy chế biến thức ăn cho tôm, máy bón phân vi sinh, máy bơm thuốc bảo vệ thực vật trực tiếp dưới gốc cây...

Các dòng sản phẩm máy công - nông nghiệp mang thương hiệu Thanh Trì đã và đang được ứng dụng hiệu quả trên các vùng sản xuất, chăn nuôi trong nước và các nước trong khu vực Đông Nam Á như máy gieo hạt tự động thể hệ mới; nén giá thể vào khay xốp, khay nhựa; xay giá

thể; băng tải chuyên; rửa khay xếp tự động; rửa cà rốt, củ cải, khoai lang; băm cỏ, sấy và ủ chua; tách vỏ cây; hệ thống sản xuất phân vi sinh; đập lỗ màng phủ tự động...

Nông dân có nhiều sáng tạo hữu ích

Dù trình độ học vấn thấp (lớp 4/10) nhưng anh Đặng Văn Bảy, thôn 14, xã Hòa Ninh, huyện Di Linh đã sáng chế hàng loạt máy móc phục vụ nông nghiệp và xây dựng thành công thương hiệu Cơ sở Cơ khí Toàn Thắng.

Thời gian đầu khi mới đến xã Hòa Ninh lập nghiệp, anh Bảy canh tác trên diện tích vài hecta cà phê. Trong quá trình sử dụng máy xay xát, phát hiện vài nhược điểm của cối chà vò, từ đó anh tìm tòi, cải tiến một số chi tiết máy, thay đổi mẫu mã, thiết kế theo ý tưởng riêng.

Sau nhiều lần thử nghiệm, năm 2001, Cơ sở Cơ khí Toàn Thắng do anh thành lập bắt đầu sản xuất đại trà sản phẩm cối chà vò cà phê tươi và cối chà vò cà phê khô. Anh Bảy cho biết: "Sản phẩm cối chà vò cà phê Toàn Thắng có ưu thế là công suất cao, tiết kiệm nguyên liệu chạy máy nổ. Đối với cối chà vò cà phê khô, chất lượng nhân được đảm bảo, không bị dập bể, thổi sạch vỏ; đối với cối chà vò cà phê tươi, nhân cà phê bị dập không đáng kể".

Không ngừng tìm tòi, nghiên cứu, năm 2004, anh Bảy đã sản xuất cối chà tách riêng vỏ và nhân cà phê tươi, giúp nông dân rút ngắn thời gian phơi và tiết kiệm diện tích sân phơi. Năm 2013, anh Bảy cải tiến và chế tạo cối chà vò cà phê khô CKM2 có bộ sàng lọc nhân sạch, không vỡ, đáp ứng tiêu chuẩn xuất bán trên thị trường với công suất 1.000-1.200 kg cà phê nhân/giờ. Hiện nay, anh đã nâng công suất sản phẩm cối chà vò cà phê khô CKM3 lên 1.200-1.500 kg/giờ.

Đáp ứng nhu cầu chế biến và bảo quản của bà con nông dân, năm 2014, anh chế tạo thành công máy sấy nông sản NK700 sử dụng công nghệ nhiệt sinh khối. Ưu điểm của máy là có thể sấy nhiều loại nông sản, không tạo khói, không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo chất lượng sản phẩm, ít hao tổn chất đốt và có thể lắp đặt tại khu dân cư. Máy NK700 có công suất sấy 3 tấn cà phê tươi/lần trong thời gian từ 12-15 giờ và chỉ sử dụng 8-9 bao trấu hoặc vỏ cà phê làm chất đốt; đối với các loại nông sản khác, trong thời gian từ 6-8 giờ là 2,5 tấn/lần. Năm 2016, anh dự kiến cải tiến máy sấy nông sản NK700 thành máy NK1000 có công suất 1.000 kg cà phê nhân/lần sấy. ■

GÓP PHẦN NHẬN DIỆN MỘT SỐ NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA CHUYÊN GIA TRÌNH ĐỘ CAO TRONG CÁC LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

PGS.TS. NGUYỄN MỘNG SINH

Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng

1. Chúng ta đang trong thời kỳ chuyển giao từ thế giới dựa trên giao dịch sang thế giới dựa trên quan hệ. Nhận định này được khá nhiều người tán đồng, ủng hộ. Cách nhìn nhận, tiếp cận như vậy tạo ra những thay đổi cơ bản trong khái niệm lãnh đạo, quản lý. Nó cũng động chạm đến khái niệm về chuyên gia trình độ cao. Bởi vì muốn hoặc không muốn và tùy thuộc vào cấp độ, quy mô, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, các chuyên gia trình độ cao ít nhiều đều bị lôi cuốn, thu hút vào hoạt động lãnh đạo, quản lý và được phân công, giao phó vào những vị trí lãnh đạo, quản lý.

Nếu như “*giao dịch vốn được xem như cơ hội tìm kiếm lợi ích đơn phương trước người khác*” thì quan hệ để thành công và bền vững lại thiên về hợp tác, cộng tác và phụng sự. Trong một thế giới mà mọi thứ đều dựa trên quan hệ, lợi ích cá nhân của một người song hành, gắn kết chặt chẽ với việc phụng sự người khác. (*)

Phụng sự để dẫn đầu. Những ai muốn đứng đầu, đi đầu, dẫn đầu đều phải biết phụng sự và thực thi phụng sự hết mình. Đó là người luôn nhận thức rõ ràng mình đang phục vụ ai, làm thế nào để có thể phục vụ tốt nhất và đóng góp của mình không phải là đóng góp duy nhất cho việc đạt được kết quả, lợi ích và giá trị của nhiệm vụ đặt ra.

Tìm kiếm chuyên gia trình độ cao trong một lĩnh vực, một nhiệm vụ, một hoạt động nào đó không chỉ là việc đi tìm người có kiến thức uyên bác, có kinh nghiệm phong phú mà đồng thời phải là người biết phụng sự hết mình.

2. Chuyên gia trình độ cao phải là người có năng lực sáng tạo cao hơn, tốt hơn những người khác. Đó là người thành đạt tốt trong lĩnh vực hoạt động của mình. Những nghiên cứu về nhân học, xã hội và nhân văn cho thấy có 14 đặc trưng chủ yếu sau của người thành đạt tốt:

+ Tôn trọng, lịch thiệp và tin cậy đối với đồng sự;



Thu hút chuyên gia trình độ cao làm việc trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử

- + Ham thích, mong muốn được hiểu biết và học hỏi;
- + Làm gương cho những giá trị của cộng đồng, tổ chức;
- + Thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của cá nhân đối với mục tiêu và ước muốn của cộng đồng, tổ chức;
- + Cởi mở, nhiệt thành, mong muốn đề cao quan điểm của người khác;
- + Tự mình là người thực hiện có chất lượng những công việc bình thường;
- + Thể hiện khả năng quyết đoán trong những tình huống không rõ ràng;
- + Biết diễn đạt, có kinh nghiệm nói trước đám đông và thể hiện mình một cách đúng mức;
- + Mềm mỏng trong quan hệ, có năng khiếu hài hước;
- + Mong muốn dành thời gian, sức lực cá nhân để thực hiện nhiệm vụ công và đạt thành tích trong nhiệm vụ được giao;
- + Thông thạo về công vụ, tổ chức, lao động;
- + Mong muốn đi sâu, đi sát trong công việc và hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp, đồng sự;

(*) James M.Stock, “Phụng sự để dẫn đầu - Tư duy lãnh đạo thế kỷ 21” - NXB Thời đại và Thaihabooks.2011. tr. 66

+ Biết bảo vệ mình và can đảm khi phải đối mặt với thách thức; biết chấp nhận nguy cơ để khắc phục, vượt qua;

+ Thể hiện sự mong muốn đổi mới, có khả năng tiếp thu cái mới, biết tự thay đổi chính mình và giúp người khác thay đổi.

Thủ lĩnh của một cộng đồng hoặc người lãnh đạo trong một số tổ chức sẽ phải là người thành đạt. Vì thế rất nhiều đặc trưng trên đây chính là yêu cầu đòi hỏi đối với một thủ lĩnh hoặc người lãnh đạo của một tổ chức nào đó.

3. Nếu tìm kiếm, tuyển chọn chuyên gia trình độ cao để giao nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý, phải sử dụng một hệ thống các tiêu chí có phần giống và khác so với các tiêu chí đánh giá người thành đạt.

Đã có những nghiên cứu nhằm tạo dựng chân dung lý tưởng của người lãnh đạo, quản lý. Bức chân dung này được phác họa từ tổ hợp 4 nhóm phẩm chất sau đây:

Nhóm phẩm chất chính trị - xã hội

Tính nguyên tắc;

Biết tiếp thu phê bình;

Giáo dục người khác bằng nêu gương cá nhân;

Biết ủng hộ cái mới, tân tiến;

Nhận thức rõ nghĩa vụ xã hội của mình;

Biết bảo vệ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa;

Am hiểu tầm quan trọng của vấn đề giáo dục;

Biết thảo luận những vấn đề chính trị - xã hội.

Nhóm phẩm chất tổ chức - nghề nghiệp

Biết đạt tới những kết quả cụ thể;

Say mê công việc, tháo vát, sáng kiến

Có vốn tri thức cần thiết và biết thu thập thông tin;

Quan tâm học hỏi, tiếp thu, sử dụng các kiến thức chuyên môn trong khoa học quản lý;

Có khả năng nhận biết, tách bạch cái chủ yếu khỏi những cái thứ yếu;

Biết phân phối trách nhiệm;

Biết xây dựng và duy trì bầu không khí lao động sáng tạo trong tập thể;

Quan tâm đến cán bộ, nhân viên;

Có sự rõ ràng và cô đọng trong ngôn ngữ, diễn đạt;

Có khả năng ra quyết định độc lập.

Nhóm phẩm chất giáo dục - sư phạm

Quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ sự phát triển, trưởng thành của cán bộ, nhân viên;

Biết đem lại tính độc lập cho người dưới quyền;

Biết chứng minh và thừa nhận chân lý;

Có khả năng quan hệ với người dưới quyền như với người ngang hàng;

Biết thừa nhận sai lầm, khuyết điểm của bản thân;

Có khả năng thuyết phục;

Biết tìm trong ý kiến của người khác, đặc biệt là người dưới quyền bản chất, hạt nhân hoặc những khía cạnh hợp lý;

Biết động viên, cổ vũ;

Biết khôi hài hoặc thích sự hài hước.

Nhóm phẩm chất đạo đức tư cách

Biết yêu cầu cao đối với bản thân;

Có khả năng tự hoàn thiện bản thân về mọi mặt;

Chân thực, thật thà;

Công bằng, vô tư;

Điềm tĩnh;

Có văn hóa trong quan hệ và cách đối xử nhã nhặn, lịch thiệp;

Không đánh giá quá cao cống hiến của bản thân;

Biết coi trọng lao động, sự đóng góp và sáng kiến của đồng nghiệp;

Trọng danh dự.

Các ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại thường được hình thành trên cơ sở tổ hợp nhiều bộ môn, chuyên ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ khác nhau; là sự kết hợp hài hòa thông minh, kết nối những lợi thế, thành tựu của các bộ môn, chuyên ngành liên quan. Từ đó, các ngành này bao phủ một diện rộng tri thức của nhân loại và thể hiện khá rõ tính đa ngành, đa lĩnh vực của nó.

Vi vậy, đòi hỏi chuyên gia trình độ cao vừa phải có tri thức sâu, kinh nghiệm phong phú trong chuyên môn hẹp của mình để thực sự làm “chuyên gia”, lại vừa có hiểu biết tương đối rộng về những lĩnh vực liên quan để hiểu được đồng nghiệp. Hợp tác, thẩm thấu, chia sẻ được ý tưởng của họ, cùng tìm tiếng nói chung trong công việc và hành động. ■

Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng

- Địa chỉ ứng dụng và chuyển giao công nghệ



Bò tót và thế hệ con lai đầu tiên tại Vườn Quốc gia Phước Bình



Khảo nghiệm giống cỏ Alfalfa và xây dựng mô hình thâm canh phục vụ chăn nuôi bò tại tỉnh Lâm Đồng



Trụ đèn cảnh báo giao thông kết hợp đèn chiếu sáng



Mô hình trồng Đẳng sâm thương phẩm



Mô hình canh tác theo hướng nông nghiệp công nghệ cao tại Trạm thực nghiệm Đơn Dương



Hệ thống xử lý nước cấp sinh hoạt và lọc nước tinh khiết



Mô hình nuôi trồng nấm Linh chi đỏ

Chân dung những nhà sáng chế nông dân tỉnh Lâm Đồng



Chiếc máy cắt, ghép cây giống nông nghiệp của nhà nông Nguyễn Thái Linh (Ảnh: Văn Việt)



Nông dân Vũ Đình Phúc với máy chế biến phế phẩm nông nghiệp thành phân hữu cơ vi sinh thân thiện với môi trường (Ảnh: Đan Thanh)



Anh Đặng Văn Bảy kiểm tra sản xuất các chi tiết máy sấy nông sản NK700 (Ảnh: Bùi Trường)



Máy đào khoai tây của nông dân Phan Minh Thành (Ảnh: Văn Việt)



Anh Nguyễn Văn Xường, xã Đa Ròn, Đơn Dương với chiếc máy băm cỏ (Ảnh: Văn Việt)



Nhà sáng chế Lê Thanh Trị giới thiệu máy gieo hạt tự động cho đối tác Malaysia (Ảnh: Văn Việt)



Ông Nguyễn Hữu và chiếc máy xới bừa cà phê (Ảnh: Khắc Dũng)